



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

7

Tháng 4 - 2014

HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH LUẬT NHÀ Ở

Đà Lạt, ngày 02 tháng 4 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

7

SỐ 7 - 4/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:2.000 Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh 5
- Quyết định số 496/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 8
- Quyết định số 209/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2014 - 2020 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau 11
- Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND của UBND tỉnh Bến Tre về việc đẩy nhanh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre 13
- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo: Vật liệu xây không nung - thách thức và 18
giải pháp phát triển sản xuất và sử dụng trong xây
dựng công trình
- Nghiệm thu tiêu chuẩn “Tấm thạch cao - Hướng dẫn 19
lắp đặt và hoàn thiện”
- Nghiệm thu Đề tài “Khảo sát, đánh giá công nghệ 21
xử lý chất thải rắn và nước thải tại các đô thị và khu
công nghiệp Việt Nam”
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành 24
phố Bạc Liêu là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành 26
phố Ninh Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh
Bình
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành 28
phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh
Hóa

Thông tin

- Hội nghị thẩm định Luật Nhà ở 31
- Chủ tịch Viện Cuba hữu nghị với các dân tộc (ICAP) 32
thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng
- Đô thị hóa kiểu mới thử thách năng lực tổng hợp của 33
các doanh nghiệp
- Dự án Phát triển nhà ở theo phương pháp công 35
nghiệp của LB Nga
- Việc đào tạo và đào tạo lại chuyên gia trong lĩnh 38
vực tiêu chuẩn châu Âu tại trường Đại học Xây dựng
Mátxcova, Liên bang Nga
- Trung Quốc thực hiện Văn minh sinh thái bắt đầu từ 42
tiết kiệm nước
- Thành phố Giang Môn, Quảng Đông, Trung Quốc 44
thực hiện bảo vệ sinh thái, xây dựng đô thị xanh
- Tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc: Thúc đẩy các hành động 46
xây dựng xanh



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:2.000 Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 21/3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 409/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:2.000 Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với tính chất là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và hướng đến xây dựng một hệ thống đại học trong топ đầu châu Á.

Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm: Đáp ứng yêu cầu về quy mô đào tạo và các chức năng mới theo kế hoạch chiến lược phát triển của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; rà soát, hoàn chỉnh dự án theo các yêu cầu phát triển mới về quy mô đào tạo, bối cảnh phát triển của khu vực và hoàn thiện khu Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là khu Đại học) trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia; xây dựng các công cụ quản lý mang tính tổng thể về quy hoạch kiến trúc, cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật, làm cơ sở cho công tác quản lý đầu tư xây dựng và thu hút các nguồn lực phát triển dự án; là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng, lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết các dự án thành phần.

Theo Quy định này, nội dung điều chỉnh quy hoạch bao gồm: Điều chỉnh mở rộng các trường Đại học Quốc tế, Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu tăng quy mô đào tạo, đồng thời dịch chuyển vị trí các khoa Địa chất dầu khí, khoa Giáo dục, khoa Ngoại ngữ để dành quỹ đất mở rộng các

trường nêu trên; bố trí khoa Y Bệnh viện thực hành (dự kiến thành lập trường Đại học Khoa học Sức khỏe) vào khu vực phía Bắc của dự án, gắn với công viên khoa học của khu Đại học; điều chỉnh sắp xếp lại khu vực Viện nghiên cứu và Khu công viên khoa học, đáp ứng các yêu cầu quỹ đất để bố trí các viện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất; bố trí khu dịch vụ thông tin truyền thông vào quỹ đất dự trữ (vị trí tiếp giáp với quốc lộ 1A và trường đại học Nông Lâm) đáp ứng các hoạt động sản xuất, in ấn, chế bản, các dịch vụ thông tin và dịch vụ công cộng khác thuộc hoạt động của khu Đại học; mở rộng các trục giao thông để đáp ứng các hoạt động đi bộ, đi xe đạp, giao thông công cộng và các tiện ích hỗ trợ giao thông đặc thù của đô thị đại học.

Về tổ chức không gian tổng thể, xây dựng các tổ hợp không gian chức năng, gắn kết hài hòa với cảnh quan tự nhiên, phản ánh nét đặc trưng của từng khu vực, các công trình trong khu Đại học được xây dựng theo hướng thấp tầng, mật độ thấp. Ưu tiên phát triển các không gian mở, không gian công cộng, mặt nước, cây xanh và không gian đi bộ. Hình thành các không gian cửa ngõ, tạo điểm nhấn cho Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại các vị trí kết nối khu đại học với các tuyến đường đối ngoại. Điều chỉnh quy hoạch, kiến trúc của các dự án khoa hoặc trường theo các hình thái kiến trúc cảnh quan đặc trưng trên nguyên tắc kết nối và thống nhất toàn khu Đại học. Bổ sung các không gian giao lưu, sân bãi luyện tập thể chất, công trình văn hóa, tiện ích công cộng tại

các khu vực ký túc xá. Hình thành các tuyến phố đi bộ dành cho sinh viên. Gắn với các tuyến phố đi bộ này là các tổ hợp công trình đa năng. Bổ sung hệ thống cầu vượt bộ hành, mái che mưa nắng, chiếu sáng ban đêm, điểm dừng nghỉ, đường đi bộ; bảo đảm thuận tiện, an toàn trong kết nối liên hoàn từ tổng thể khu quy hoạch đến từng khu vực và từng dự án thành phần. Phát triển mạng lưới cây xanh gồm các công viên cây xanh mặt nước tập trung, hệ thống sân vườn của các dự án thành phần, cây xanh dọc các tuyến đường... trên cơ sở khai thác tối đa khả năng hiện trạng. Các khu vực hồ đá được cải tạo cảnh quan, thiết kế theo chủ đề nhằm hình thành nên các không gian công cộng phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, hoạt động giao lưu. Có giải pháp thiết kế phù hợp, bảo đảm an toàn cho mọi người khi tiếp cận các khu vực hồ đá.

Về tổ chức không gian các trục chính và điểm nhấn, xây dựng 2 trung tâm dịch vụ công cộng là tổ hợp công trình điểm nhấn, cung cấp dịch vụ cho hoạt động đào tạo, sinh hoạt của sinh viên và cán bộ giảng viên trong khu Đại học. Các trục đường đầu nối ra xa lộ Hà Nội, quốc lộ 1A được tổ chức không gian trên cơ sở kết hợp giữa các công trình kiến trúc với không gian các bãi đỗ xe tạo cảnh quan hài hòa, thẩm mỹ và ấn tượng. Các công trình được thiết kế tạo điểm nhấn, đặc biệt là tại 3 vị trí vào trung tâm dịch vụ công cộng 1, trung tâm điều hành và trường Đại học Kinh tế - Luật. Các trục đường chính được ưu tiên sử dụng cho các hoạt động giao thông công cộng, đi bộ và kết nối các khu chức năng, kết hợp tổ chức thành các trục phố đi bộ theo chủ đề gắn với công trình đặc trưng. Trên các trục đường này, bố trí các tiện ích đô thị phục vụ nhu cầu giao thông như hệ thống bến bãi đỗ xe, dịch vụ thương mại, nhà chờ, điểm đỗ xe buýt... và cổng vào của các trường đại học, viện nghiên cứu, ký túc xá.

Về quy hoạch sử dụng đất, khu các khoa hoặc trường thành viên có diện tích 180,2 ha

(chiếm 28% diện tích tự nhiên), mật độ xây dựng tối đa 25%, tầng cao là 3 - 8 tầng, tầng cao tối đa 15 tầng. Quỹ đất dự trữ phát triển khoảng 30% tại các trường thành viên được sử dụng làm sân bãi và công viên cây xanh gắn với các không gian xanh chung của toàn khu Đại học. Khu các trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng có diện tích 54,21 ha (chiếm 8,4% diện tích toàn khu Đại học), mật độ xây dựng tối đa 30%, tầng cao công trình tối đa 30 tầng. Khu viện nghiên cứu và khu công nghệ phần mềm có diện tích 53,97 ha (chiếm 8,4% diện tích tự nhiên), mật độ xây dựng tối đa 30%, tầng cao công trình tối đa là 25 tầng. Đối với các phòng thí nghiệm đặc thù sẽ có kiểm soát xây dựng riêng biệt. Khu ký túc xá sinh viên có diện tích 50,77 ha (chiếm 7,9% diện tích tự nhiên), mật độ xây dựng tối đa 30%, tầng cao 5 - 12 tầng cho những công trình xây dựng giai đoạn 1 và 12 - 16 tầng cho những công trình xây dựng giai đoạn 2. Bổ sung các công trình dịch vụ công cộng trong các khu ở sinh viên để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt đặc thù của sinh viên. Đất cây xanh - mặt nước tập trung có diện tích đất 125,36 ha (chiếm 19,47% diện tích tự nhiên, bao gồm 78 ha hồ đá) xây dựng các công trình dịch vụ công cộng, hạ tầng kỹ thuật với mật độ xây dựng tối đa 10%, tầng cao tối đa 3 tầng. Đất công viên cây xanh kết hợp với các khu vực dự trữ phát triển tại các đơn vị thành viên và hệ thống công viên cây xanh trong các khu chức năng tạo nên hệ thống không gian xanh của toàn khu Đại học. Đất giao thông chung và hạ tầng đầu mối có diện tích 101,59 ha (chiếm 15,8% diện tích tự nhiên). Quỹ đất này chủ yếu là hệ thống hạ tầng khung của toàn khu Đại học, tại các khu vực chức năng còn quỹ đất bố trí cho giao thông nội bộ và sân bãi theo từng dự án thành phần.

Về quy hoạch san nền xây dựng, quy hoạch san nền theo nguyên tắc tôn trọng địa hình tự nhiên, hạn chế san gạt lớn, thực hiện san nền cục bộ theo từng công trình để bảo đảm yêu

cầu tiêu thoát nước mặt và tạo cảnh quan. Cao độ nền dao động từ 8 - 35 m, bình quân 11 - 12 m, độ dốc tự nhiên từ 3,2 - 7,5%. Các suối, hồ và các lạch được duy trì để giảm chi phí san lấp, bảo đảm thoát nước mặt. Khống chế cao độ mạng lưới đường giao thông và từng cụm công trình theo hiện trạng địa hình tự nhiên, phù hợp với các dự án đã được thực hiện. San lấp cục bộ bảo đảm độ dốc địa hình 0,4 - 2,0%, cao ở giữa lô đất thoát ra các trục đường xung quanh từng khu để thoát nước nhanh nhất. Công tác đất khu vực dự án sẽ được cân bằng tại chỗ.

Về quy hoạch thoát nước mặt, dựa trên các trục tiêu thoát nước chính và địa hình khu vực thiết kế, phân chia thành 3 lưu vực chính: Lưu vực 1 (phía Tây) thoát theo trục tiêu suối Nhum, qua quốc lộ 1A, sang phía quận Thủ Đức; lưu vực 2 (phía Đông Bắc) thoát theo trục tiêu ra rạch Đồng Tròn, thuộc phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An; lưu vực 3 (phía Nam) thoát theo trục tiêu qua xa lộ Hà Nội sang khu vực Suối Tiên - quận 9 và cống ngang trên xa lộ Trường Sơn. Về hệ thống thoát nước, hệ thống cống đi trên vỉa hè dọc các tuyến giao thông, sử dụng cống hộp hoặc cống tròn bảo đảm đủ khẩu độ thoát nước. Đoạn đầu cống nước mưa tự chảy trong máng đến ga thu đầu tiên với chiều dài tự chảy từ 35 - 50 m. Tại giao cắt giữa 2 tuyến cống hoặc thay đổi kích thước cống bố trí hố ga kỹ thuật. Dọc các trục đường tùy theo độ dốc dọc đường sẽ đặt các hố ga thu nước mưa theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng. Ngoài ra, tại các vị trí đặc biệt cũng sẽ thiết kế các hố ga thu nước mưa. Kè mái các đoạn, tuyến mương hở bảo đảm an toàn kết cấu và tạo cảnh quan môi trường. Về mạng lưới cấp nước, giữ nguyên theo dự án đang triển khai đầu tư gồm các tuyến ống cấp nước mạng vòng, kích thước đường ống D200 mm - D400 mm. Bổ sung thêm một số tuyến và thay đổi kích thước một số tuyến ống để bảo đảm cấp nước cho toàn khu vực. Về thu gom và xử lý nước thải, giữ nguyên hệ thống thoát nước riêng, các tuyến

cống đã thi công; điều chỉnh từ 2 thành 4 lưu vực thu gom và xử lý nước thải tập trung ứng với 4 trạm xử lý nước thải với tổng công suất tối đa 14.000 m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt loại B theo Quy chuẩn Việt Nam. Nước thải các phòng thí nghiệm, bệnh viện, cơ sở y tế thu gom và xử lý riêng. Nước thải sau xử lý có thể sử dụng cho các mục đích tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa. Các dự án khi triển khai xây dựng phải có phương án thu gom và xử lý nước thải, tuân thủ quy hoạch về hướng thoát nước, cao độ điểm xả thải bảo đảm đấu nối với hệ thống chung. Về cứu hỏa, bố trí các trụ chữa cháy tại các nút giao thông và dọc tuyến ống cấp nước chính. Chữa cháy áp lực thấp, khi có cháy nước sẽ được lấy từ trụ cứu hỏa. Hệ thống cứu hỏa của từng trường và trong từng công trình được thiết kế riêng, phù hợp với từng loại hình công trình.

Về quản lý chất thải rắn (CTR), tổ chức phân loại CTR tại nguồn: Tại các cơ quan, trường học, công trình công cộng... bố trí các thùng rác công cộng, các thùng thu gom rác nhỏ tại các đường trục chính. Mỗi trường, cơ quan, khu nhà ký túc xá bố trí 1 điểm tập trung (hầm chứa CTR), rác được tập kết vào giờ quy định. Thu gom tập trung hàng ngày theo phương thức không tiếp đất. CTR các phòng thí nghiệm, CTR y tế nguy hại được thu gom riêng. CTR sau khi thu gom bằng xe chuyên dụng chuyển trực tiếp về điểm tập trung hoặc khu xử lý CTR thành phố theo quy hoạch. Về biện pháp quản lý CTR, phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Tại các khu vực viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở sản xuất và các bệnh viện có phát sinh chất thải nguy hại cần phân loại và xử lý theo quy định. CTR sau khi phân loại được vận chuyển tới trạm trung chuyển hoặc khu xử lý chung của khu vực.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 496/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 08/4/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 496/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm: Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch sử dụng đất Thành phố Hà Nội, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phù hợp với các điều kiện địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn và khả năng khai thác quỹ đất. Đáp ứng nhu cầu an táng trước mắt và lâu dài của nhân dân Thủ đô, xây dựng đồng bộ nghĩa trang và nhà tang lễ, nhằm khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai. Sử dụng hình thức táng phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, văn hóa truyền thống, ưu tiên sử dụng hình thức táng mới, văn minh, hiện đại, tiết kiệm đất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Theo Quyết định này, mục tiêu của Quy hoạch là cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống nghĩa trang và nhà tang lễ trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg; dự báo nhu cầu táng, tỉ lệ các hình thức táng, xác định vị trí, quy mô, phạm vi phục vụ của nghĩa trang và nhà tang lễ cho khu vực đô thị và định hướng cho khu vực nông thôn; xác định nhu cầu đầu tư xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ theo từng giai đoạn làm cơ sở cho việc lập và triển khai đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về xây dựng và quản lý sử dụng nghĩa trang trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Về quy hoạch nghĩa trang, quy hoạch nghĩa trang bao gồm nghĩa trang tập trung cấp quốc gia, nghĩa trang tập trung liên tỉnh, nghĩa trang

tập trung cấp thành phố, nghĩa trang tập trung cấp huyện và cấp xã. Cụ thể, đối với nghĩa trang tập trung cấp quốc gia, cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang Mai Dịch 1 thành công viên nghĩa trang với quy mô hiện có là 5,5 ha lên 5,8 ha đến năm 2015, sử dụng hình thức táng một lần, phục vụ nhu cầu an táng lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước; xây mới nghĩa trang cấp quốc gia tại xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, quy mô khoảng từ 100 - 150 ha, sử dụng hình thức táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước. Đối với nghĩa trang tập trung liên tỉnh, đóng cửa nghĩa trang Yên Kỳ 1, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì (hiện có 38,4 ha), mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ 2, huyện Ba Vì đến năm 2020 khoảng 203 ha, đến năm 2030 khoảng 583 ha, sử dụng hình thức táng tổng hợp, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu vực đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng và các tỉnh lân cận. Đối với nghĩa trang cấp thành phố, đóng cửa các nghĩa trang Sài Đồng, Văn Điển và cải tạo thành công viên nghĩa trang trước năm 2015; mở rộng nghĩa trang tập trung Vĩnh Hằng với quy mô hiện có là 37 ha lên 87 ha đến năm 2020, sử dụng hình thức hung táng, cát táng, táng 1 lần và hỏa táng, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân và quy tập mộ di chuyển trong khu vực phát triển đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng; quy hoạch, cải tạo mở rộng nghĩa trang Thanh Tước thành công viên nghĩa trang với quy mô hiện có là 7 ha mở rộng lên đến 23 ha đến năm 2030, sử dụng hình thức cát táng, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân khu đô thị huyện Mê Linh. Xây dựng mới các nghĩa trang Minh Phú đến năm 2020 khoảng 83 ha, đến năm 2030 khoảng 100 ha, sử dụng hình thức cát táng, táng một lần, hỏa táng, phục vụ cho nhu cầu an táng của nhân dân khu vực

phát triển đô thị huyện Sóc Sơn và quy tập mộ di chuyển trong khu vực phát triển đô thị huyện Đông Anh, Mê Linh, Long Biên và Gia Lâm. Nghĩa trang Bắc Sơn đến năm 2020 khoảng 10 ha, sử dụng hình thức hỏa táng, phục vụ nhu cầu hỏa táng của nhân dân khu vực phía Bắc Hà Nội. Nghĩa trang Xuân Nộn đến năm 2020 khoảng 10 ha, sử dụng hình thức táng hỏa táng, phục vụ nhu cầu hỏa táng của nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội...

Đối với nghĩa trang tập trung cấp huyện, đóng cửa, dùng chôn cất tại các nghĩa trang Xuân Đỉnh (5 ha), quận Bắc Từ Liêm trước năm 2015. Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang Hà Đông, quận Hà Đông với quy mô hiện có là 3,65 ha lên 7,4 ha đến năm 2015 theo hướng cải tạo thành công viên nghĩa trang, sử dụng hình thức cát táng, phục vụ nhu cầu nhân dân trên địa bàn quận Hà Đông; mở rộng nghĩa trang nhân dân thị xã Sơn Tây với quy mô hiện có 3,5 ha lên 19 ha vào năm 2020, sử dụng hình thức hung táng, cát táng, táng 1 lần, phục vụ nhu cầu an táng của nhân dân và quy tập mộ di chuyển trên địa bàn thị xã Sơn Tây.

Đối với nghĩa trang cấp xã, hiện tại tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện có, có kế hoạch đóng cửa các nghĩa trang phân tán có quy mô nhỏ, không đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ sinh môi trường hoặc không nằm trong quy hoạch sử dụng đất nghĩa trang. Di chuyển các mộ phần đến nghĩa trang tập trung ở các vùng theo quy hoạch. Mỗi xã có từ 1 đến 2 nghĩa trang tập trung cấp xã (tùy thuộc diện tích, địa

giới hành chính và quy mô dân số theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Vị trí cụ thể các nghĩa trang được xác định trong các quy hoạch xây dựng nông thôn mới.) Đối với các nghĩa trang hiện có nằm trong khu vực phát triển đô thị, khi có kế hoạch lấy đất phục vụ nhu cầu phát triển đô thị sẽ được di chuyển đến các nghĩa trang tập trung gần nhất hoặc các nghĩa trang phục vụ quy tập mộ di chuyển. Chấm dứt tình trạng chôn cất phân tán, tự phát.

Quyết định này quy định trong giai đoạn xây dựng, xây dựng biện pháp thi công hợp lý, giải pháp hạn chế thấp nhất các tác động đến môi trường; các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí, chất thải, tiếng ồn đối với các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển và các biện pháp phòng chống sự cố trong quá trình xây dựng. Trong giai đoạn quản lý vận hành, nâng cao năng lực quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường. Nước rỉ thi hài, nước thải khu vực nghĩa trang phải được thu gom về khu xử lý riêng của nghĩa trang. Sử dụng các lò hỏa táng hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường. Xây dựng kế hoạch hành động quản lý chất lượng môi trường không khí, đất, nước cho khu vực dự kiến quy hoạch xây dựng nghĩa trang và khu vực xung quanh đến năm 2030.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 209/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2014 - 2020

Ngày 04/3/2014, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 209/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2014 - 2020 với mục tiêu

tăng cường khả năng ứng phó của ngành Xây dựng đối với thiên tai, biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm nhẹ biến đổi khí hậu, phát triển ngành Xây dựng theo hướng

tăng trưởng xanh và bền vững.

Nội dung của Kế hoạch hành động bao gồm: Đánh giá và dự báo những tác động của Biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD) đối với ngành Xây dựng trong thế kỷ XXI. Cụ thể, cập nhật các kịch bản BĐKH cho Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện, trên cơ sở đó xác định và bổ sung những kịch bản BĐKH cho ngành Xây dựng, cho các vùng khí hậu xây dựng khác nhau theo hai giai đoạn (ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn từ năm 2030 đến 2100). Dự báo sự phát triển của ngành Xây dựng đến năm 2030 và mở rộng tới cuối thế kỷ XXI, làm rõ những đối tượng chịu tác động của BĐKH và NBD trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng, phát triển của khoa học và công nghệ xây dựng. Điều tra, khảo sát về mức độ ảnh hưởng của khí tượng và BĐKH đến các đối tượng khác nhau của ngành Xây dựng tại các vùng, miền của nước ta, đặc biệt chú ý tới các vùng thấp ven biển và đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá những tác động tiềm tàng của BĐKH và NBD trong thế kỷ XXI đến các lĩnh vực khác nhau của ngành (đầu tư xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và điểm dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế, nhà ở, công sở và các công trình hạ tầng xã hội, vật liệu xây dựng, môi trường ngành Xây dựng).

Đối với nội dung rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng có liên quan đến BĐKH và NBD, Kế hoạch này quy định cần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản pháp luật, các hướng dẫn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng nhà ở, công sở và các công trình hạ tầng xã hội, vật liệu xây dựng có tính đến các tác động của BĐKH và NBD. Điều chỉnh, bổ sung các nội dung về ứng phó với BĐKH và

NBD trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đô thị và điểm dân cư nông thôn; thiết kế, xây dựng công trình nhà ở, công sở và công trình hạ tầng xã hội dựa trên các kịch bản BĐKH. Tập trung đối với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về số liệu khí hậu thủy văn, dữ liệu bản đồ ngập lụt với tỉ lệ thích hợp cho công tác quy hoạch xây dựng, về tải trọng và tác động, về cấp thoát nước trong và ngoài công trình, về công trình xử lý nước thải, chất thải rắn. Nghiên cứu và xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng nhằm ứng phó và giảm thiểu các tác động của BĐKH và NBD. Cụ thể là các tiêu chuẩn về thiết kế và xây dựng các “Công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”, “công trình xanh”, “đô thị xanh, đô thị sinh thái”, các vật liệu và sản phẩm xây dựng xanh (tiết kiệm năng lượng hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm).

Với nội dung nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp ứng phó với BĐKH và NBD của ngành Xây dựng, cần rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu kinh tế trên các vùng ven biển, vùng đồng bằng thấp gần biển chịu ảnh hưởng của nước biển dâng và thiên tai (bão, lũ lụt, trượt lở đất). Định hướng các giải pháp ứng phó chủ đạo (bảo vệ, thích ứng, rút lui) đối với các tác động của NBD. Nghiên cứu các giải pháp ứng phó có hiệu quả đối với BĐKH và NBD trong công tác cải tạo, xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật đô thị, điểm dân cư nông thôn và khu công nghiệp (hệ thống cấp thoát nước, giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng, hệ thống thu gom và xử lý rác thải), nhất là các đô thị nằm ở các vùng thấp ven biển thường bị ngập úng, các vùng có xu hướng gia tăng khô hạn, xâm nhập mặn. Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp mới trong thiết kế và xây dựng công trình nhằm giảm thiểu các tác hại của gió bão, tố lốc, lũ lụt, trượt lở đất, đặc biệt trên các khu vực chịu ảnh hưởng thường xuyên của

thiên tai như các tỉnh ven biển miền Trung, tập trung nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp với nhà ở khu vực nông thôn, nhà ở cho người nghèo.

Đối với việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp giảm nhẹ ĐCKH trong ngành Xây dựng, cần tiến hành kiểm kê khí gây hiệu ứng nhà kính trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng như sản xuất xi măng, sản xuất gạch, ngói, tấm lợp; tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính thông qua giảm mức tiêu hao nhiên liệu, giảm hoặc thay thế các loại nhiên liệu hóa thạch đang dùng trong quá trình sản xuất. Kiểm toán, đánh giá mức tiêu hao năng lượng, sử dụng nguồn nước trong các công trình xây dựng bao gồm nhà ở, công sở, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ; nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp thiết kế và xây dựng mới, cải tạo các công trình nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đặc biệt đối với các công trình trọng điểm đã được liệt kê trong danh mục do Thủ tướng quyết định. Nghiên cứu xây dựng và triển khai chiến lược phát triển công trình

xanh, hướng tới một nền xây dựng bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, thí điểm xây dựng mô hình khu đô thị xanh, công trình xanh. Xây dựng các chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, chuyển đổi nguyên, nhiên vật liệu đầu vào theo hướng các-bon thấp trong sản xuất vật liệu xây dựng công trình. Nâng cao năng lực quản lý chất thải, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiệu quả để xử lý nước thải, rác thải cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn.

Ngoài ra, Quyết định cũng đề ra các giải pháp (về cơ chế, chính sách, về khoa học và công nghệ, về hợp tác quốc tế, về tài chính, về công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực) để thực hiện Kế hoạch hành động này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Ngày 14/3/2014, UBND tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Quy định này quy định về việc lập, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế theo quy định của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, bao gồm cả trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thuộc Bộ, ngành Trung

ương thành Tiểu dự án riêng trên địa bàn Tỉnh.

Theo Quy định này, nguồn kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được trích không quá 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án, tiểu dự án. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được lập dự toán theo khối lượng công việc thực tế, không khống chế mức trích nêu trên. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được Chủ đầu tư dự án chuyển cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và cơ quan tài nguyên và môi trường theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, mức trích theo quy định trên được quy ra thành 100% và phân chia theo tỉ lệ sau: Đối với dự án do cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trích 10% chuyển vào tài khoản của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong trường hợp phối hợp thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các công việc khác có liên quan, để lại 90% cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chi cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đối với dự án do cấp huyện thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trích 10% chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và các công việc khác có liên quan, để lại 90% cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chi cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tùy theo nguồn kinh phí thu được và kết quả

thực hiện công việc, người đứng đầu Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quyết định mức chi cụ thể, nhưng mức tối đa không được vượt quá các mức chi quy định sau: Chi cho công tác tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tổ chức vận động các đối tượng có liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất, điều tra, khảo sát về tình hình kinh tế - xã hội, về thực trạng đất đai, tài sản thuộc phạm vi của dự án, tiểu dự án với mức chi tối đa là 80.000 đồng/người/ngày; chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại với mức chi tối đa từ 80.000 - 100.000 đồng/người/ngày; chi cho việc lập, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ khâu ban đầu tính toán các chỉ tiêu bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với mức chi tối đa là 100.000 đồng/người/ngày; chi cho việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với mức chi tối đa là 80.000 đồng/người/ngày; chi họp triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, các cuộc họp khác có liên quan mà nguồn kinh phí được chi từ nguồn của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng với mức chi tối đa là 100.000 đồng/người/cuộc; chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) với mức chi tối đa là 120.000 đồng/người/ngày.

Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, sử

dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đối với những dự án, tiểu dự án, hạng mục đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án được phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thì hành thì việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức

thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo các quy định trước đây, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.camau.gov.vn)

Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND của UBND tỉnh Bến Tre về việc đẩy nhanh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Ngày 19/3/2014, UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành Chỉ thị số 01/2014/CT-UBND về việc đẩy nhanh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Theo Chỉ thị này, trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương, công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi chung là Giấy chứng nhận) trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, số lượng nhà ở, công trình xây dựng đã được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, thời gian giải quyết còn chậm so với quy định; công tác cập nhật, chỉnh lý biến động về nhà, đất chưa thường xuyên; việc xác định đất thổ cư của các hộ dân có sử dụng đất và sở hữu nhà ở trước năm 1993 còn sai sót, có một số hồ sơ phải kiểm tra đo đạc nhiều lần, một số địa phương yêu cầu hồ sơ không có trong quy định gây tốn kém cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Nguyên nhân chủ yếu là do một số Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác cấp

Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, việc phối hợp thực hiện chưa được chặt chẽ, kịp thời; đồng thời một số chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng chưa nhận thức được quyền và lợi ích hợp pháp khi được cấp Giấy chứng nhận; việc xây dựng nhà không xin phép và chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất còn khá phổ biến.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, đồng thời đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh ban hành liên quan đến các quy định về đăng ký cấp Giấy chứng nhận, trong đó có Quy chế phối hợp cung cấp thông tin trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh đã ban hành theo Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của UBND tỉnh để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và quy định pháp luật. Phối hợp với ngành thuế, tài chính, ngân hàng giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, đồng thời chủ trì, phối hợp

với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai, tập huấn các văn bản pháp luật về nhà, đất và các văn bản liên quan đến công tác cấp Giấy chứng nhận. Tổ chức thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho các hộ dân có sử dụng đất và sở hữu nhà ở trước ngày 15/10/1993 đối với những trường hợp có sai sót trong việc xác định diện tích đất ở theo đúng quy định của pháp luật, thời gian hoàn thành đến ngày 31/12/2015. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các văn bản pháp luật về nhà ở, đất và các văn bản liên quan đến công tác cấp Giấy chứng nhận để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, chỉ đạo kiên quyết loại bỏ ngay các trường hợp yêu cầu bổ sung các thủ tục không được quy định trong các văn bản pháp luật đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Sở Xây dựng cung cấp thông tin kịp thời trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đối với tổ chức khi có yêu cầu. Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc thực hiện việc công khai các đồ án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tổ chức công khai quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền. Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này.

Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh ban hành liên quan đến các quy định về đăng ký cấp Giấy chứng nhận để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và quy định của pháp luật.

Cục Thuế tỉnh chỉ đạo Chi cục thuế các huyện, thành phố phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan đơn vị có

liên quan xác định nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ nhà, đất để xác định mức thuế phải nộp, đồng thời phản hồi kịp thời về Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đến nộp thuế đúng thời gian quy định.

UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai và thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân theo hướng cải cách thủ tục hành chính đúng theo quy định ISO, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm rút ngắn thời gian thực hiện; thông báo số điện thoại đường dây nóng để người dân kịp thời góp ý và phản ánh tình hình; chỉ đạo kiên quyết loại bỏ ngay các trường hợp yêu cầu bổ sung các thủ tục không được quy định trong các văn bản pháp luật đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức cố ý gây phiền hà, nhũng nhiễu, gây chậm trễ trong công tác cấp Giấy chứng nhận; chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng cấp, UBND cấp xã tiếp tục thực hiện việc rà soát, thống kê nhà, đất chưa đăng ký, chưa cấp Giấy chứng nhận của hộ gia đình, cá nhân; thông báo và tạo điều kiện cho người sử dụng nhà, đất kê khai đăng ký; thường xuyên kiểm tra đối với các bộ phận được giao nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả cấp Giấy chứng nhận đối với các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị này.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.bentre.gov.vn)

**Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Lâm Đồng ban hành Quy định về nguyên tắc,
phương pháp xác định giá các loại đất
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Ngày 27/3/2014, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Quy định này áp dụng để xây dựng bảng giá các loại đất để công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34, Điều 35 Luật Đất đai năm 2003; tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 Luật Đất đai năm 2003; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 59 Luật Đất đai năm 2003; tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật; tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai năm 2003; tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà thiệt hại cho nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì giá khởi điểm để đấu giá được xác định trên cơ sở áp dụng nguyên tắc, phương pháp trong quy định này và giá đất trong các quyết định UBND tỉnh ban hành, công bố và do UBND tỉnh

quyết định cho từng trường hợp cụ thể. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Theo Quy định này, giá đất sau khi điều chỉnh tại Quy định này phải đảm bảo các nguyên tắc sau: Không được thấp hơn mức giá tối thiểu, không cao hơn mức giá tối đa quy định trong khung giá tại Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ. Đối với đất ở và đất phi nông nghiệp, giá đất sau khi điều chỉnh theo các tỉ lệ và hệ số điều chỉnh tương ứng theo quy định tại Quy định này không được thấp hơn giá đất nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực trong Bảng giá đất đã được UBND tỉnh ban hành và công bố. Nguyên tắc giá cao nhất trong Quy định này được xác định như sau: Nếu một đường hẻm thông với nhiều đường (hẻm của nhiều đường phố, đường giao thông) hoặc một thửa đất (lô đất) tiếp giáp hoặc thông với nhiều trục đường khác nhau (tức là một thửa đất, lô đất có 2 mặt tiền trở lên) thì việc xác định giá đất được tính toán theo giá đất của đường (đoạn đường) có giá cao nhất mà hẻm đó thông đến hoặc thửa đất tiếp giáp.

Về nguyên tắc xác định giá đất ở, các con đường, đoạn đường có bề rộng đoạn nhỏ nhất của mặt đường trên 5 m, đều phải xây dựng giá đất và đưa vào danh mục của Bảng giá do UBND tỉnh ban hành và công bố. Đối với các con đường, đoạn đường không nằm trong danh mục của Bảng giá do UBND tỉnh ban hành và công bố được gọi chung là hẻm. Hàng năm UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo rà soát, thực hiện việc xây dựng giá đất đối với các

con đường, đoạn đường này, trình bổ sung đưa vào trong danh mục của Bảng giá cho phù hợp với thực tế. Giá đất ở được quy định tại Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành và công bố tại thời điểm 01/01 hàng năm là mức giá chuẩn của vị trí 1 của thửa đất có mặt tiếp giáp với đường phố hoặc đường giao thông. Giá đất của các vị trí được xác định trên cơ sở mức giá chuẩn của vị trí 1 nhân với tỉ lệ và hệ số điều chỉnh tương ứng trong Quy định này, bao gồm: Các hệ số điều chỉnh giá đất (hệ số vị trí K_{VT} , hệ số địa hình $K_{ĐH}$, hệ số thuận lợi sử dụng K_{TL} , hệ số giáp ranh K_{GR} và hệ số điều chỉnh theo giá thị trường K_{TT}), các tỉ lệ điều chỉnh giá đất (tỉ lệ điều chỉnh giá đất theo chiều sâu của thửa đất, tỉ lệ điều chỉnh giá đất theo cấp hẻm). Một thửa đất (lô đất) có thể áp dụng một hoặc tất cả các hệ số và tỉ lệ điều chỉnh trên đây, nếu có các điều kiện tương ứng.

Riêng đối với trường hợp thửa đất (lô đất) ở tại nông thôn có mặt tiếp giáp với các trục đường giao thông có chiều sâu trên 40 m thì được áp dụng tính toán theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Quy định này. Đối với các trường hợp thửa đất (lô đất) đã được cấp Giấy chứng nhận, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà trên những giấy tờ đó đã ghi cụ thể đường phố, đường giao thông của thửa đất (lô đất) thì xác định giá đất theo tên đường phố, đường giao thông đã ghi trong giấy tờ nêu trên hoặc theo vị trí thực tế của thửa đất (lô đất) nhưng phải tuân theo nguyên tắc giá cao nhất quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Quyết định này.

Quy định này quy định vị trí 1 là những thửa đất (lô đất) có mặt tiếp giáp với đường phố, đường giao thông nằm trong danh mục của Bảng giá đất ở được UBND tỉnh ban hành và công bố hàng năm (mặt tiền đường). Vị trí 2, 3 và 4 là những thửa đất (lô đất) trong hẻm thuộc khu vực đô thị. Giá đất của những đường hẻm

được tính bằng hệ số vị trí (K_{VT}) theo giá đất mặt tiền của con đường (đoạn đường) quy định trong Bảng giá đất ở được UBND tỉnh ban hành và công bố hàng năm thông với đường hẻm đó. Trường hợp một đường hẻm thông với nhiều đường thì căn cứ vào vị trí thực tế để xác định giá đất của thửa đất (lô đất) nhưng phải tuân theo nguyên tắc giá cao nhất quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quyết định này.

Quy định này quy định vị trí 1 là những thửa đất (lô đất) có mặt tiếp giáp với đường phố, đường giao thông nằm trong danh mục của Bảng giá đất ở được UBND tỉnh ban hành và công bố hàng năm (mặt tiền đường). Vị trí 2, 3 và 4 là những thửa đất (lô đất) trong hẻm thuộc khu vực đô thị. Giá đất của những đường hẻm được tính bằng hệ số vị trí (K_{VT}) theo giá đất mặt tiền của con đường (đoạn đường) quy định trong Bảng giá đất ở được UBND tỉnh ban hành và công bố hàng năm thông với đường hẻm đó. Trường hợp một đường hẻm thông với nhiều đường thì căn cứ vào vị trí thực tế để xác định giá đất của thửa đất (lô đất) nhưng phải tuân theo nguyên tắc giá cao nhất quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quyết định này. Trường hợp thửa đất (lô đất) ở vị trí 1 tiếp giáp với nhiều đường phố, đường giao thông khác nhau thì căn cứ vào vị trí thực tế của thửa đất (lô đất) đó để xác định giá đất, nhưng phải tuân theo nguyên tắc giá cao nhất quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quyết định này. Đối với đất ở tại nông thôn, trường hợp thửa đất (lô đất) chỉ tiếp giáp với một trục đường giao thông thì giá đất đối với phần diện tích có chiều sâu tính từ lộ giới đường giao thông vào đến 40 m tính bằng 100% giá đất của vị trí 1; phần diện tích có chiều sâu trên 40 m đến 100 m được tính bằng 70% giá đất của vị trí 1; phần diện tích có chiều sâu trên 100 m đến 300 m được tính bằng 60% giá đất của vị trí 1; phần diện tích có chiều sâu trên 300 m tính bằng giá đất khu vực II đất ở nông thôn nhưng tối đa không cao hơn giá đất có chiều sâu trên 100 m đến 300 m. Trường hợp thửa đất (lô đất)

tiếp giáp với nhiều trục đường giao thông khác nhau thì căn cứ vào vị trí thực tế của thửa đất (lô đất) đó để xác định giá đất đối với phần diện tích có chiều sâu tính từ lộ giới đường giao thông vào đến 40 m của thửa đất (lô đất) theo một trục đường giao thông (theo nguyên tắc giá cao nhất); phần diện tích tiếp theo có chiều sâu từ trên 40 m đến 100 m được tính bằng 70% giá đất của phần diện tích có chiều sâu đến 40 m nêu trên, hoặc tính theo trung bình cộng của các mức giá của các trục đường mà thửa đất (lô đất) đó tiếp giáp, hoặc tính theo giá đất của trục đường mà phần đất đó tiếp giáp, nhưng theo nguyên tắc lấy mức giá có kết quả tính toán cao

nhất; đối với phần diện tích đất có chiều sâu trên 100 m đến 300 m được tính toán tương tự theo nguyên tắc như đối với phần diện tích có chiều sâu từ trên 40 m đến 100 m trên đây (trong đó nếu áp dụng tỉ lệ để xác định giá đất thì tỉ lệ là 60%). Riêng phần diện tích có chiều sâu trên 300 m tính bằng giá đất khu vực II đất ở nông thôn, nhưng tối đa không cao hơn giá đất có chiều sâu trên 100 m đến 300 m.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.lamdong.gov.vn)



Hội thảo: Vật liệu xây không nung - thách thức và giải pháp phát triển sản xuất và sử dụng trong xây dựng công trình

Ngày 27/3/2014, tại Hà Nội, trong khuôn khổ Triển lãm Quốc tế Vietbuil Hà Nội 2014, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam (VLXDVN) đã tổ chức Hội thảo với chủ đề: “Vật liệu xây không nung - thách thức và giải pháp phát triển sản xuất và sử dụng trong xây dựng công trình”.

Tham dự Hội thảo có ông Lê Văn Tới - Vụ trưởng Vụ Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng), ông Trần Bá Việt - Phó Viện trưởng Viện Khoa học công nghệ xây dựng; ông Hà Ngọc Hồng - Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội; ông Trần Văn Huỳnh - Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam; lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành và hơn 100 đại biểu đến từ các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, các công ty tư vấn thiết kế, xây dựng và đồng đảo phóng viên các báo, đài Trung ương và Hà Nội.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Chủ tịch Hội VLXDVN Trần Văn Huỳnh cho biết, Chương trình phát triển Vật liệu xây không nung (VLXKN) thay thế gạch đất sét nung theo Quyết định số 567/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã được các nhà đầu tư hăng hái hưởng ứng. Sau gần 4 năm thực hiện, đến nay, cả nước có 12 nhà máy gạch bê tông khí chưng áp công suất từ 100.000 m³ - 300.000 m³/năm, tổng công suất 1,95 triệu m³/năm và 30 cơ sở sản xuất bê tông bọt với tổng công suất là 0,473 triệu m³/năm, đưa tổng công suất bê tông nhẹ lên 2,423 triệu m³/năm (tương đương 1,696 tỷ viên gạch quy tiêu chuẩn). Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã đầu tư hàng loạt cơ sở sản xuất gạch xi măng cốt liệu có công suất từ 7 - 35 triệu viên/năm (quy tiêu chuẩn) và hơn 1 nghìn cơ sở sản xuất nhỏ có công suất 2 đến 5 triệu viên/năm (quy tiêu chuẩn) đưa tổng công suất gạch xi măng cốt liệu lên trên 4,5 tỷ



TS. Trần Văn Huỳnh - Chủ tịch Hội VLXDVN phát biểu tại Hội thảo

viên/năm (quy tiêu chuẩn). Tính tỷ trọng công suất, hiện nay VLXKN đã chiếm 27% trên tổng công suất vật liệu xây. Trong mấy năm qua, các nhà sản xuất đã không ngừng nghiên cứu công nghệ, đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, việc đầu tư không theo quy hoạch tập trung ở một số vùng đã gây khó khăn cho công tác vận chuyển đến nơi sử dụng, làm tăng giá thành, có nơi thừa, nơi thiếu, việc tiêu thụ. Bên cạnh đó, việc sử dụng VLXKN vào công trình xây dựng còn rất hạn chế, không tương xứng với năng lực đã được đầu tư, chỉ chiếm khoảng 50%, riêng bê tông nhẹ chỉ khai thác dưới 15%.

Ông Huỳnh cũng cho biết, nguyên nhân chính dẫn đến thị trường vật liệu xây không nung ảm đạm là do Chương trình 567 ra đời vào đúng lúc kinh tế suy thoái, đầu tư công bị cắt giảm, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường vật liệu xây dựng bị thu hẹp, kể cả đối với gạch đất sét nung. Hơn nữa, việc đầu tư sản xuất bê tông bọt, bê tông khí chưng áp (AAC) giai đoạn đầu phát triển nóng, với trình độ công nghệ thấp, trang thiết bị không đồng bộ, trình độ tự động hóa thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao và không ổn định. Ngoài ra, việc đưa sản

phẩm AAC, bê tông bọt vào xây dựng không tuân thủ đúng chỉ dẫn kỹ thuật, vữa xây, vữa trát không đạt chất lượng, tay nghề của thợ chưa được đào tạo; việc thực thi các chính sách, chế độ ưu đãi phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN... chưa được tuân thủ triệt để, nhiều địa phương chưa có lộ trình tích cực xóa bỏ lò gạch thủ công, thậm chí còn có nơi cho đầu tư lò đứng liên tục, lò vòng cải tiến sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe nhiều báo cáo tham luận như: Phát triển bền vững sản xuất và sử dụng VLXKN; Tình hình triển khai Chương trình phát triển vật liệu xây không nung, hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số đề xuất, kiến nghị của Sở Xây dựng Hà Nội; Vai trò của các công ty tư vấn, thiết kế trong việc sử dụng VLXKN thay thế gạch đất sét nung trong xây dựng công trình... Nội dung của các báo cáo chủ yếu tập trung đề xuất các giải pháp để VLXKN phát triển, giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vượt qua giai đoạn khủng hoảng.

Theo ông Trần Văn Huỳnh, để VLXKN phát triển bền vững và sử dụng rộng rãi, trước hết các doanh nghiệp phải đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo độ

chính xác, đồng đều về quy cách sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường xây dựng trong nước. Ngoài ra, cần đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề am hiểu về kỹ thuật xây, trát, nghiệm thu xây tường, nhất là block bê tông khí chưng áp AAC; Nhà thầu xây dựng phải tuân thủ đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của thiết kế, tuân thủ kỹ thuật thi công xây trát, nghiệm thu công trình xây dựng bằng sản phẩm AAC; phải trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ thi công, vật tư kỹ thuật chuyên dụng;

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã phát biểu một số kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giảm thuế suất giá trị gia tăng (VAT) đối với VLXKN từ 10% xuống 5% để khuyến khích đầu tư phát triển và sử dụng VLXKN. Đồng thời đề nghị các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về việc phát triển sản xuất, sử dụng VLXKN thay thế gạch đất sét nung, tính năng ưu việt của vật liệu nhẹ AAC và hiệu quả kinh tế khi sử dụng để xây dựng công trình, tạo dựng thị trường tiêu thụ mạnh mẽ VLXKN.

Bích Ngọc

Nghiệm thu tiêu chuẩn “Tấm thạch cao - Hướng dẫn lắp đặt và hoàn thiện”

Ngày 28/3/2014, tại Hà Nội, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Tấm thạch cao - Hướng dẫn lắp đặt và hoàn thiện” do TS. Hoàng Đình Kiên - Vụ Vật liệu Xây dựng (VLXD) làm Chủ nhiệm dự án.

Thay mặt nhóm dự án, TS. Hoàng Đình Kiên đã báo cáo Hội đồng về nội dung của dự thảo Tiêu chuẩn “Tấm thạch cao - Hướng dẫn lắp đặt và hoàn thiện”. Theo đó, dự thảo Tiêu

chẩn được biên soạn dựa trên tiêu chuẩn gốc ASTM C840-11 của Mỹ. Trong dự thảo Tiêu chuẩn quy định phạm vi áp dụng về những yêu cầu tối thiểu trong thi công lắp đặt và hoàn thiện tấm thạch cao bao gồm các bộ phận và phụ kiện có liên quan. Bố cục tiêu chuẩn gồm các phần: Lời nói đầu; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ & Định nghĩa; Điều kiện Môi trường; Vật liệu & Sản xuất; Công tác chuẩn bị; Lắp đặt tấm thạch cao (gồm 15 hệ thống lắp đặt khác nhau);



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu

Hoàn thiện thi công tấm thạch cao; Trang trí; Phân phối, ghi nhãn, lưu trữ, bảo quản và Phụ lục kèm theo. Dự thảo Tiêu chuẩn này sau khi được thông qua và ban hành sẽ giúp cho việc thực hiện lắp đặt tấm thạch cao đúng kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

Theo nội dung của dự thảo Tiêu chuẩn, điều kiện môi trường để lắp đặt tấm thạch cao, vật liệu xử lý mối ghép và keo dán thì nhiệt độ phòng phải được duy trì không thấp hơn 4°C trong suốt quá trình lắp đặt tấm thạch cao. Khi sử dụng keo dán, xử lý các mối ghép, tạo hoa văn hay trang trí, nhiệt độ phòng phải không thấp hơn 10°C trong vòng 48h trước khi lắp đặt và sau đó được tiếp tục duy trì cho tới khi nào khô hoàn toàn. Ngoài ra, phải duy trì thông gió ở khu vực thi công trong suốt quá trình lắp đặt và bảo dưỡng. Tấm thạch cao phải được bảo vệ tránh tiếp xúc trực tiếp với nước, tuyết, ánh nắng mặt trời hoặc ở các điều kiện thời tiết khắc nghiệt khác. Vật liệu xử lý mối ghép ở dạng trộn sẵn phải được bảo vệ tránh tiếp xúc trực tiếp với băng giá, nhiệt độ cao và ánh nắng mặt trời.

Đối với quy định về phương pháp cắt và lắp đặt: tấm thạch được cắt bằng cách rạch khía và bẻ gãy hoặc bằng cách cưa, bắt đầu từ mặt phía trước. Khi cắt bằng phương pháp rạch khía, lớp giấy bề mặt phải được cắt bằng một con dao sắc hoặc bằng một dụng cụ phù hợp khác. Tấm thạch cao được bẻ gãy theo hướng ngược lại hoặc cắt đứt lớp giấy trên bề mặt phía sau bằng dao hoặc dụng cụ phù hợp. Khi cắt

các tấm panen thạch cao bao gồm hai hay nhiều lớp tấm thạch cao ghép với nhau, cả hai mặt phải được rạch khía sâu và sau đó được bẻ gãy trực tiếp hoặc cắt đứt bằng tay hoặc bằng máy. Khi cắt các tấm thạch cao có một lớp ghép, mặt của lớp ghép phải được khía hoặc cắt bằng dao hoặc tấm panen được cắt bằng tay hoặc máy. Các gờ và cạnh của tấm thạch cao phải được làm nhẵn để các mối ghép được lắp đặt khít và gọn. Các lỗ chờ ống, chỗ để giá lắp thiết bị hoặc các khe hở nhỏ được rạch khía tạo hình trên mặt phía trước và phía sau trước khi cắt bỏ bằng cưa hoặc dụng cụ chuyên dùng. Tấm thạch cao được đánh dấu và cắt gọn gàng ở những vị trí tiếp xúc với các bề mặt nhỏ cao. Khi tấm thạch cao được lắp đặt cho cả trần và tường, lắp đặt tấm thạch cao cho trần trước rồi sau đó tiến hành lắp đặt cho tường. Lắp đặt tấm thạch cao lên tường sao cho gờ đáy cách sàn một khoảng không nhỏ hơn 6 mm. Các chốt giữ được lắp đặt với khoảng cách không lớn hơn 25 mm và nhỏ hơn 9,5 mm tính từ gờ và cạnh của tấm thạch cao (trừ những vị trí góc tự do trong nhà). Không cần cố định chặt theo mép tấm vào bản vách hoặc nền tại đỉnh và đáy trừ những vị trí mà tốc độ cháy, đặc tính cấu trúc hoặc các điều kiện khác có yêu cầu kết nối kiểu này. Khi sử dụng các chốt giữ, tấm thạch cao được giữ chặt với giá đỡ phía dưới. Việc lắp đặt các chốt giữ phải được tiến hành từ vùng tâm rồi tiến dần ra tới cạnh và gờ của tấm thạch cao. Đóng đinh sao cho mũ đinh ăn sâu một chút vào trong bề mặt tấm thạch cao, tránh phá hủy bề mặt và lõi của tấm, như làm rách lớp giấy bề mặt hoặc làm nứt gãy lớp lõi. Vít được vặn sâu một chút vào trong bề mặt tấm thạch cao mà không làm rách lớp giấy bề mặt hoặc xé rách thành phần khung xung quanh thân vít.

Đối với quy định về việc hoàn thiện thi công tấm thạch cao: Vật liệu dùng cho dán băng và hoàn thiện thuộc loại vật liệu đóng rắn dạng bay hơi hoặc vật liệu đóng rắn dạng đông kết. Các vật liệu đóng rắn dạng bay hơi và dạng

đông kết không được trộn với nhau trừ khi có những quy định khác từ nhà sản xuất vật liệu xử lý mối ghép. Khi được sử dụng, các vật liệu này phải có thành phần hóa học tương thích với các lớp phủ trước và sau. Chỉ bắt đầu tiến hành quá trình hoàn thiện khi nhiệt độ trong nhà được duy trì tối thiểu 48h ở nhiệt độ không nhỏ hơn 10°C và sau đó được tiếp tục duy trì cho tới khi các vật liệu khô hoàn toàn. Khi sử dụng keo dán cho lắp đặt 2 lớp, phải đảm bảo keo dán đã khô hoàn toàn trước khi tiến hành việc hoàn thiện trang trí. Các mối ghép có chiều rộng không lớn hơn 3 mm được điền đầy trước bằng vật liệu xử lý mối ghép trộn sẵn hoặc đóng rắn dạng đông kết. Các mối ghép có chiều rộng lớn hơn 3mm được điền đầy trước bằng vật liệu xử lý mối ghép đóng rắn dạng đông kết. Băng giấy được thi công bằng cách trát vật liệu xử lý mối ghép lên mối ghép (kiểu phết bơ) xác định tâm rồi ép băng giấy vào, sau đó lau sạch vật liệu dư thừa hoặc vệ sinh bằng các dụng cụ cơ học được thiết kế cho mục đích này. Vật liệu nằm dưới lớp băng giấy có nhiệm vụ liên kết băng giấy với tấm thạch cao. Vật liệu hoàn thiện và vật liệu đa chức năng được thi công bằng các dụng cụ có chiều rộng đủ lớn để tạo khoảng rộng tối thiểu 89 mm về cả hai phía tính từ tâm của băng dán mối ghép. Sau khi vật liệu khô, bề mặt được đánh giấy ráp hoặc được lau bằng bọt xốp ẩm để loại bỏ các điểm lỗi và vật liệu dư thừa. Các lớp phủ bằng vật liệu đóng rắn dạng

khi đánh giấy ráp hoặc áp dụng các lớp phủ bổ sung. Các lớp phủ bổ sung của vật liệu hoàn thiện được thi công bằng các dụng cụ có khả năng tạo ra khoảng rộng không nhỏ hơn 152 mm về cả 2 phía tính từ tâm của băng dán mối ghép. Tất cả các vị trí cắt bỏ đều được điền đầy bằng vật liệu dán băng và vật liệu hoàn thiện, vì vậy không có khe hở lớn hơn 6mm giữa tấm thạch cao và thiết bị lắp vào. Sử dụng nước sạch để trộn các vật liệu dạng bột hoặc để pha loãng các vật liệu trộn sẵn, phải đeo khẩu trang bảo vệ phù hợp khi trộn chất khô hoặc khi đánh giấy ráp.

Các chuyên gia đều đánh giá cao sự cố gắng của nhóm biên soạn. Do toàn bộ tiêu chuẩn được chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nên khó tránh khỏi những sai sót trong cách sử dụng thuật ngữ chuyên ngành, nhóm biên soạn cần chỉnh sửa cho dễ hiểu hơn và các số liệu cần sửa lại cho thống nhất.

Theo đánh giá của Chủ tịch hội đồng nghiệm thu - ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, đây là một tiêu chuẩn mới xuất hiện tại Việt Nam và tương đối khó dịch. Theo các ý kiến góp ý của các chuyên gia, nhóm biên soạn cần sớm chỉnh sửa, đồng thời loại bỏ một số phần không phù hợp với thực tế tại Việt Nam để tiêu chuẩn hoàn thiện hơn.

Với kết quả đạt được, tiêu chuẩn đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu.

Bích Ngọc

Nghiệm thu Đề tài “Khảo sát, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn và nước thải tại các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam”

Ngày 10/4/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức buổi họp nghiệm thu Đề tài “Khảo sát, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn và nước thải tại các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam”

- mã số MT 04-10, do Hiệp hội Môi trường đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (VUREIA) thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường (Bộ Xây dựng), làm Chủ tịch Hội đồng.



ThS. Đinh Minh Trí báo cáo về kết quả khảo sát, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam

Phát biểu tại buổi họp nghiệm thu, PGS. TS. Nguyễn Đức Khiển - Chủ nhiệm đề tài cho biết, theo số liệu năm 2009, Việt Nam có 25,4 triệu dân sống ở đô thị, chiếm 30% dân số cả nước (85,8 triệu người). Theo dự báo, tốc độ đô thị hóa của Việt Nam vẫn tiếp tục được duy trì trong những năm tới, cùng với đó là sự gia tăng số lượng các cơ sở công nghiệp và thương mại để thu hút dân cư cũng như gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng đô thị và các dịch vụ đô thị cơ bản. Cùng với sự phát triển công nghiệp và đô thị hóa, lượng chất thải rắn và nước thải cũng gia tăng nhanh chóng. Nguy cơ ô nhiễm môi trường và tác động tới sức khỏe cộng đồng do chất thải rắn và nước thải gây ra đang trở thành một trong những vấn đề cấp bách của công tác bảo vệ môi trường ở nước ta, đặc biệt là các đô thị lớn. Chính vì vậy, rất cần phải rà soát lại hiện trạng hoạt động, hiệu quả xử lý cũng như tính phù hợp của các công nghệ xử lý đang áp dụng với tình hình phát triển kinh tế của nước ta, để từ đó đề xuất được những công nghệ xử lý chất thải rắn, nước thải có hiệu quả và phù hợp với các đô thị và khu công nghiệp tại Việt Nam.

Thay mặt nhóm thực hiện Đề tài, ThS. Đinh Minh Trí đã báo cáo Hội đồng về kết quả khảo sát, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp. Theo đó, khái niệm “chất thải sinh hoạt” chỉ có tính chất tương đối về nguồn gốc sinh ra chất thải, trong chất



TS. Trần Thị Hiền Hòa báo cáo về kết quả khảo sát, đánh giá công nghệ xử lý nước thải tại các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam

thải sinh hoạt có cả chất thải nguy hại. Tỷ lệ gia tăng chất thải sinh hoạt ở Việt Nam hiện nay là khoảng 9%/năm, giai đoạn sau năm 2020, tỷ lệ tăng sẽ giảm và bão hòa ở mức 7%/năm. Thành phần chất thải hữu cơ có thể sản xuất phân vi sinh trung bình khoảng 40%, và tỷ lệ này sẽ giảm trong tương lai. Khối lượng, thành phần chất thải sinh hoạt thay đổi theo vùng - miền, đô thị - nông thôn. Đây là yếu tố rất quan trọng để đề xuất công nghệ xử lý phù hợp. Để xử lý chất thải rắn, Việt Nam hiện đang áp dụng các công nghệ: chôn lấp hợp vệ sinh, đốt chất thải (trong đó có công nghệ đốt chất thải tiết kiệm nhiên liệu, công nghệ đốt chất thải trong lò xi măng, công nghệ xử lý chất thải hữu cơ - hiếu khí, công nghệ xử lý chất thải hữu cơ - kỵ khí, công nghệ AIC, công nghệ Seraphin, công nghệ an sinh - ASC, công nghệ tái chế nhựa thành dầu DO, công nghệ xử lý chất thải MBT-CD.08). Báo cáo cũng đánh giá chi tiết các công nghệ xử lý chất thải hiện đang được áp dụng ở nước ta, đồng thời giới thiệu các công nghệ xử lý chi phí thấp, thân thiện với môi trường và các công nghệ xử lý tiên tiến đang được áp dụng ở một số nước trên thế giới. Đặc biệt, báo cáo còn đề xuất công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt phù hợp với Việt Nam giai đoạn đến năm 2030.

Báo cáo về nội dung khảo sát, đánh giá công nghệ xử lý nước thải tại các đô thị và khu

công nghiệp, TS. Trần Thị Hiền Hòa cho biết, lượng nước dùng trong sinh hoạt của dân cư các đô thị ngày càng tăng nhanh do dân số tăng và sự phát triển của các dịch vụ đô thị. Hiện nay, hầu hết các đô thị của Việt Nam chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Ở những đô thị có một số trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thì tỉ lệ nước được xử lý còn rất thấp so với yêu cầu. Nước thải từ các khu công nghiệp có thành phần đa dạng, chủ yếu là các chất lơ lửng, chất hữu cơ, dầu mỡ và một số kim loại nặng. Khoảng 70% trong số hơn 1 triệu m³ nước thải/ngày từ các khu công nghiệp được xả thẳng ra các nguồn tiếp nhận không qua xử lý đã gây ô nhiễm môi trường nước mặt. Công nghệ xử lý nước thải thường ứng dụng các quá trình xử lý cơ học, sinh học và hóa học - hóa lý để loại bỏ cặn lơ lửng, chất hữu cơ, độ màu, dầu mỡ, kim loại nặng... Nhìn chung việc xử lý nước thải trong các khu công nghiệp chưa được coi trọng, ngay cả với các khu công nghiệp có trạm xử lý nước thải tập trung thì việc vận hành cũng chưa tốt, tỉ lệ các nhà máy đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung vẫn còn thấp, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường tại nhiều khu công nghiệp vẫn còn nghiêm trọng. Đã có nhiều công nghệ xử lý nước thải được áp dụng tại các hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Nhưng nhìn chung, các công nghệ xử lý nước thải đã áp dụng khá phong phú, tập trung vào 2 nhóm chính: Công nghệ xử lý hóa lý (bao gồm các công đoạn như lắng sơ bộ, tách dầu, tuyển nổi, điều chỉnh pH, keo tụ tạo bông, lọc, khử trùng bằng Clorine...), công nghệ xử lý sinh học (bao gồm các công nghệ xử lý sinh học kỵ khí và công nghệ sinh học hiếu khí). Tùy theo các loại nước thải khác nhau, quy mô và khả năng đầu tư, yêu cầu xử lý mà các công nghệ được áp dụng riêng rẽ hoặc được kết hợp. Công nghệ phổ biến nhất được sử dụng là công nghệ sinh học hiếu khí bùn hoạt tính và công nghệ xử lý hóa lý keo tụ - tạo bông, khử trùng.

Đề tài đã diễn giải các tiêu chí để đánh giá công nghệ xử lý nước thải. Cụ thể, tiêu chí 1 về hiệu quả xử lý nước thải được đánh giá theo các chỉ tiêu ô nhiễm đặc trưng là cặn lơ lửng, tổng N (hoặc NH₄), tổng P, tổng Coliform. Ngoài ra, khi đánh giá hiệu quả của một dây chuyền công nghệ xử lý nước thải đô thị cũng cần phải chú đến các vấn đề như khả năng hạn chế và xử lý mùi hôi của nước thải, lượng bùn cặn tạo thành và các phương pháp xử lý bùn cặn, khả năng hợp khối công trình để giảm diện tích xây dựng và diện tích chiếm đất. Tiêu chí 2 là các chỉ tiêu kinh tế cần được xem xét khi lựa chọn dây chuyền công nghệ xử lý nước thải (bao gồm chỉ số đầu tư, chỉ số vận hành, chỉ số sử dụng đất). Tiêu chí 3 về trình độ tiên tiến của công nghệ được so sánh với các trạm có công nghệ tương tự ở nước ngoài, công nghệ nhập hoặc công nghệ trong nước. Mức độ tiên tiến được đánh giá theo khả năng cơ khí hóa, tự động hóa hay bán tự động toàn bộ dây chuyền hay từng khâu trong đó. Tiêu chí 4 về sự phù hợp đối với điều kiện của đô thị như các đặc điểm tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội. Tiêu chí 5 là sự an toàn và thân thiện đối với môi trường, được đánh giá theo các khía cạnh: trạm xử lý nước thải không gây mùi hôi và ô nhiễm môi trường không khí xung quanh; trạm xử lý nước thải hoạt động an toàn, ít bị sự cố, ít bị rò rỉ nước thải và giảm nguy cơ gây ô nhiễm đất, nguồn nước ngầm và nước mặt trong khu vực.

Ngoài ra, nhóm thực hiện Đề tài còn đề xuất công nghệ xử lý nước thải phù hợp với đô thị và khu công nghiệp nước ta. Đối với các khu đô thị mới, đề tài khuyến nghị nên áp dụng những loại công nghệ mới, tiên tiến, còn đối với các đô thị và khu công nghiệp cũ, nên cải tạo và nâng cấp những công trình có sẵn, phát huy công tác duy tu, bảo dưỡng, sử dụng công nghệ tiên tiến hơn cho việc xử lý nước thải, cũng có thể sử dụng công nghệ đơn giản, tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên để xử lý nước thải. Đối với các thành phố lớn, có nhiều khu vực khác nhau thì áp dụng linh

hoạt những loại hình công nghệ đa dạng, đẩy nhanh quá trình chuyển giao công nghệ mới và tính đến khả năng xử lý triệt để nước thải đô thị phục vụ cho việc tái sử dụng nước thải vào các mục đích khác nhau trong khi nguồn tài nguyên nước đang bị ô nhiễm và ngày càng cạn kiệt do tác động của biến đổi khí hậu.

Các báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng đều đánh giá cao kết quả nghiên cứu công phu, nghiêm túc, tích cực của nhóm thực hiện Đề tài, và nhận định nhóm đã thực hiện được một khối lượng công việc lớn trong khoảng thời gian ngắn. Tuy nhiên, các thành viên trong Hội đồng đã góp ý với nhóm thực hiện Đề tài là: Cần cập nhật các văn bản

pháp quy được trích dẫn trong báo cáo, nên lược bớt các phần nặng về lý thuyết, bổ sung thêm hiện trạng và công nghệ xử lý chất thải rắn y tế trong cả nước, và nên đưa ra các giải pháp phù hợp về chi phí và phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Kết thúc cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - ThS. Trần Đình Thái nhất trí với các ý kiến của các thành viên Hội đồng, và đánh giá cao kết quả đạt được của Đề tài.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Thu Huyền

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu

Ngày 27/3/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng. Tham dự hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Về phía địa phương có bà Lê Thị Ái Nam - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu; lãnh đạo Sở Xây dựng, thành ủy và UBND thành phố Bạc Liêu

Báo cáo Hội đồng thẩm định về Đề án đề nghị công nhận thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu, ông Dương Thành Trung - Bí thư thành ủy thành phố Bạc Liêu cho biết, thành phố Bạc Liêu là trung tâm hành chính - chính trị - văn hóa của tỉnh Bạc Liêu, có vị trí thuận lợi ven biển Đông, nằm trên các trục hành lang kinh tế đô thị của quốc gia và quốc tế như trục Quốc lộ 1A, Quốc lộ Nam Sông Hậu, đường cao tốc Bạc Liêu - Hà Tiên. Với vị trí địa lý như vậy, Bạc Liêu giữ vai trò là đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng, và nằm



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

trong chuỗi đô thị phía biển Đông của vùng ĐBSCL, rất thuận lợi để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư. Quyết định số 1581/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã nhận định: thành phố Bạc Liêu thuộc vùng đối trọng, là cửa ngõ quan trọng giữa vùng ĐBSCL và Tp. Hồ Chí Minh.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Bạc Liêu đã có những bước tiến vững chắc, được công nhận là đô thị loại III vào năm 2006 theo

Quyết định số 1779/QĐ-BXD, và trở thành thành phố trực thuộc tỉnh vào năm 2010. Qua 7 năm phát triển, được sự quan tâm của Trung ương và chính quyền địa phương, và với nỗ lực xây dựng một thành phố xanh - sạch - đẹp của người dân thành phố, Bạc Liêu đã có những thay đổi căn bản về diện mạo và chất lượng đô thị - không gian đô thị được mở rộng, tốc độ đô thị hóa nhanh, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư nâng cấp đáng kể; GDP bình quân đầu người năm 2012 đạt 2.095 USD - bằng 1,52 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước; tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố năm 2012 vẫn được duy trì ở mức cao và ổn định là 13,5%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Các ngành dịch vụ, công nghiệp- xây dựng, nông nghiệp, ngư nghiệp đều đạt mức tăng trưởng cao. Thành phố đã đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ lớn theo chủ trương, Nghị quyết của Thành ủy, HĐND thành phố như: phát triển hạ tầng giao thông; chỉnh trang phát triển đô thị; thực hiện những mục tiêu về văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục... Căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, về cơ bản, Bạc Liêu đã đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại II. Việc công nhận thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu không những làm tăng thêm niềm tự hào, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của chính quyền và nhân dân địa phương đang phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, mà còn tạo cho thành phố thế và lực mới trong xu thế hội nhập, tác động lớn đến sự phát triển của toàn tỉnh, vùng liên tỉnh và vùng ĐBSCL. Việc công nhận Bạc Liêu đủ tiêu chuẩn trở thành đô thị loại II là sự ghi nhận nỗ lực không ngừng của Thành phố trên chặng đường hiện thực hóa Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 22/6/2011 của Ban chấp hành

Đảng bộ tỉnh khóa XIV, và Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Bạc Liêu trở thành đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn 2012 - 2015.

Các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, và ý kiến của các thành viên khác trong Hội đồng đều đánh giá cao những kết quả Bạc Liêu đã đạt được trong lộ trình phấn đấu trở thành đô thị loại II, với rất nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức quy định, như các chỉ tiêu về kinh tế xã hội, nhà ở và công trình công cộng, chiếu sáng công cộng... Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để địa phương nghiên cứu hoàn thiện Đề án, phát huy hiệu quả các tiềm năng sẵn có, khắc phục các nhược điểm còn tồn tại vì sự phát triển bền vững của Bạc Liêu trong tương lai. Các ý kiến, đề xuất của Hội đồng tập trung vào định hướng phát triển du lịch của thành phố, với những sản phẩm đặc trưng như đờn ca tài tử Nam bộ (di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO công nhận vào tháng 12/2013); vườn chim Bạc Liêu; khu du lịch nhà công tử Bạc Liêu...; tập trung vào các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đại diện Bộ Tài nguyên - Môi trường, Cục Hạ tầng Kỹ thuật (Bộ Xây dựng), đại diện các Hiệp hội Môi trường khu công nghiệp và đô thị Việt Nam, Hội cấp thoát nước đều nhận định: Bạc Liêu là một trong những khu vực chịu nhiều ảnh hưởng nhất từ biến đổi khí hậu vì có 12 km bờ biển. Do đó, vấn đề nhiễm mặn và xử lý độ mặn, vấn đề an toàn về cấp nước từ nguồn; các giải pháp trồng rừng phòng hộ ven biển; đê bao... trong kịch bản nước biển dâng cần được địa phương hết sức quan tâm và có các chính sách đầu tư kịp thời, phù hợp. Một số tiềm năng như chế biến thủy sản, năng lượng sạch - đặc biệt điện gió... cũng được Hội đồng thảo luận nhằm giúp địa phương hình thành định hướng phát triển công nghiệp, song song với việc phát triển du lịch vốn là thế

mạnh sẵn có của địa phương.

Đại diện cho chính quyền và nhân dân Bạc Liêu, Phó Chủ tịch tỉnh Lê Thị Ái Nam đã chân thành cảm ơn những ý kiến góp ý tâm huyết của Hội đồng đối với Đề án, đồng thời giải trình với Hội đồng những vấn đề được các đại biểu quan tâm trong Hội nghị. Về tiềm năng sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, Bạc Liêu đang triển khai xây dựng nhà máy điện gió có tổng công suất 99,2 MW; dự kiến sẽ cung cấp cho lưới điện quốc gia hơn 320 triệu kWh điện/năm. Về phát triển công nghiệp, thành phố đang đẩy mạnh đầu tư để lấp đầy khu công nghiệp Trà Kha - một trong 3 khu công nghiệp lớn của tỉnh. Thế mạnh trong công nghiệp chế biến thủy sản cũng được địa phương hết sức chú trọng. Đặc biệt, tỉnh hết sức chú trọng định hướng phát triển du lịch của thành phố, nhất là du lịch sinh thái; xây dựng các chương trình du lịch đặc trưng của Bạc Liêu như du lịch điện gió dưới nước kết hợp du lịch ven biển; du lịch đờn ca tài tử... Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bạc Liêu đã nhấn mạnh định hướng mở rộng không gian đô thị ra hướng biển, tăng diện tích cây xanh, đề ra nhiều giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu như triển khai xây dựng hệ thống đê mềm chiều dài hơn 10km, nâng cốt các tuyến đường - đê theo hướng tăng dần cốt lấn ra biển, xây dựng hệ thống cống - trụ - giá

đỡ cho thành phố...

Phát biểu kết luận Hội nghị thẩm định, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn nhất trí với các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng, và thông qua kết quả cho điểm công nhận thành phố Bạc Liêu là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bạc Liêu.

Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, mặc dù thành phố Bạc Liêu có 28/49 chỉ tiêu đạt và vượt mức tiêu chí của đô thị loại II, trong đó nhiều chỉ tiêu rất ấn tượng như chức năng đô thị, hệ thống công trình hạ tầng đô thị..., song Bạc Liêu vẫn còn 04 chỉ tiêu đạt thấp và chưa đạt. Do đó, UBND tỉnh và thành phố cần khẩn trương khắc phục nhằm nâng cao chất lượng đô thị, chất lượng cuộc sống người dân sau khi thành phố được nâng loại. Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, để xây dựng thành phố phát triển bền vững, với nguồn thu ngân sách không cao và những khó khăn chung của cả nước hiện nay, tỉnh cần tập trung ưu tiên đầu tư, tránh đầu tư dàn trải; đồng thời đề ra các chính sách thu hút thêm các nguồn vốn đầu tư. Trong tương lai không xa, Bạc Liêu cần xây dựng hình ảnh một đô thị khang trang, văn minh, hiện đại, là đô thị xanh - sạch, xứng đáng với vai trò đô thị trung tâm tiểu vùng ĐBSCL.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Ninh Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Bình

Ngày 1/4/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Ninh Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Bình. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định và đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Về phía địa phương có ông Lê Văn Dung - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình và

lãnh đạo các Sở, ngành, Thành ủy và UBND thành phố Ninh Bình.

Trình bày sự cần thiết và tóm tắt nội dung Đề án, Chủ tịch UBND thành phố Ninh Bình Phạm Thanh Hà cho biết: Với vị trí cửa ngõ phía Nam vùng duyên hải Bắc bộ, đồng thời là cửa ngõ phía đông nam Thủ đô Hà Nội, thành phố Ninh Bình là đầu mối quan trọng trong hệ thống giao thông huyết mạch về cả đường bộ, đường thủy và đường sắt Quốc gia: Quốc lộ 10, Quốc

lộ 1A; tuyến cao tốc Ninh Bình - Cầu Giẽ, Ninh Bình - Hạ Long; tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua; các cảng Ninh Bình, cảng Ninh Phúc nối thông ra biển qua cửa sông Đáy... Không chỉ có vị trí thuận lợi trong mối quan hệ giao lưu với các đô thị trong vùng Đồng bằng sông Hồng, thành phố còn có vị trí địa lý tự nhiên đầy tiềm năng để phát triển du lịch, đặc biệt du lịch sinh thái - tâm linh - văn hóa với khu du lịch Tràng An, khu chùa Bái Đính, khu Di tích văn hóa lịch sử Núi Non Nước... Suốt quá trình lịch sử hình thành và phát triển - nhất là từ khi thị xã Ninh Bình được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh năm 2005 và được công nhận là thành phố năm 2007 - thành phố đã khẳng định vai trò là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh, là động lực chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa trên toàn tỉnh. Được sự quan tâm của các ban ngành Trung ương và địa phương, trong những năm qua Ninh Bình đã đạt thêm nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và xây dựng phát triển đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân đô thị. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó lấy dịch vụ - thương mại - du lịch làm ngành kinh tế mũi nhọn. Tăng trưởng kinh tế của thành phố trung bình 03 năm từ 2010 đến 2012 đạt 17,66%; thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt hơn 2.800 USD - gấp 1,85 lần so với mức bình quân cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2012 chỉ còn 0,79%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực nội thành là 0,56%. Kết cấu hạ tầng đô thị tương đối hoàn chỉnh; diện mạo đổi mới rất nhiều theo hướng một đô thị văn minh và hiện đại. Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, thành phố Ninh Bình cơ bản đã hội tụ đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại II. Việc nâng loại cho thành phố



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

Ninh Bình (trước thời hạn) thành đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Bình sẽ đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng, đồng thời là sự ghi nhận nỗ lực phấn đấu, quyết tâm xây dựng quê hương giàu đẹp của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân thành phố.

Các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng, và các thành viên khác trong Hội đồng đều đánh giá cao những kết quả Ninh Bình đã đạt được trong gần 10 năm qua. Kinh tế - xã hội của thành phố đạt bước tiến vững chắc, thể hiện ở mức bình quân thu nhập đầu người của thành phố khá cao; các khu công nghiệp đã và đang thu hút đầu tư của nhiều Tập đoàn lớn trong nước và quốc tế. Địa phương đã khai thác và phát huy tốt tiềm năng du lịch, điểm sáng là khu du lịch Tràng An đang được Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch đệ trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới trong thời gian tới đây. Trong xây dựng và thiết kế đô thị, thành phố cũng khai thác tốt cảnh quan thiên nhiên tạo nét đặc trưng đô thị. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng đưa ra một số kiến nghị tỉnh và thành phố sớm có các giải pháp hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng đô thị. Về vấn đề bảo vệ môi trường, thành phố cần phát huy kết quả đạt được trong việc cải thiện môi trường thông qua các giải pháp xử lý kỹ thuật của nhà máy nhiệt điện Ninh Bình; sớm đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, giảm thiểu chôn lấp. Về giao

thông, thành phố cần chú trọng vấn đề an toàn giao thông; phát triển quỹ đất dành cho giao thông tĩnh. Về các lĩnh vực công nghiệp - thương mại, cần quan tâm tới nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn.

Tổng hợp các ý kiến rất khách quan, tâm huyết của toàn thể Hội đồng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí với đề nghị công nhận thành phố Ninh Bình là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Bình. Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, thành phố Ninh Bình là một trong những địa phương thực hiện quy hoạch rất bài bản, với những bước đi vững chắc; chuyển dịch cơ cấu đúng trọng tâm, hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh. Biểu dương thành tích của Ninh Bình có tới 23/49 chỉ tiêu đạt tối đa - đây là con số rất ấn tượng; Thứ trưởng cũng lưu ý địa phương cần nhanh chóng khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt và đạt thấp (tỷ lệ nước thất thoát, tỷ lệ đường ngõ hẻm được chiếu sáng), nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho thành phố sau khi được nâng loại; lưu ý địa phương chú trọng vấn đề

quản lý cảnh quan đô thị khi tuyến cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa hoàn thành (dự kiến trong năm 2016). Thứ trưởng đề xuất Ninh Bình cần sớm điều chỉnh Quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh thành quy hoạch vùng tỉnh, và đề nghị: trong tương lai không xa, thành phố Ninh Bình sẽ mở rộng địa giới hành chính theo Nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Ninh Bình đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 21/01/2013, do đó các chỉ tiêu về đô thị sẽ thay đổi. UBND tỉnh và thành phố cần lưu ý để có hướng đầu tư phát triển, đảm bảo sau khi Ninh Bình được mở rộng vẫn sẽ đạt các tiêu chuẩn của đô thị loại II. Sau khi nâng loại, thành phố cần tiếp tục xây dựng chương trình phát triển đô thị theo định hướng đô thị văn minh, hiện đại, trung tâm du lịch không chỉ có tầm vóc quốc gia mà còn mang tầm quốc tế.

Lê Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa

Ngày 08/4/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Thanh Hóa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định gồm đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Về phía địa phương có ông Nguyễn Ngọc Hồi - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và lãnh đạo các Sở ngành, Thành ủy và UBND thành phố Thanh Hóa.

Báo cáo với Hội đồng thẩm định, ông Đào Trọng Quy - Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa cho biết, thành phố Thanh Hóa là đô thị tỉnh lỵ của tỉnh Thanh Hóa, có vị trí địa lý, chính

trị, kinh tế và an ninh quốc phòng vô cùng quan trọng, là cửa ngõ giao lưu với Miền Trung và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, cửa ngõ thông thương ra biển gần nhất của khu vực phía Tây, Tây bắc Việt Nam và Đông Thượng Lào. Thành phố Thanh Hóa là nơi tập trung các tuyến giao thông huyết mạch quốc gia (Quốc lộ 1, Quốc lộ 10, Quốc lộ 45, Quốc lộ 47, tuyến đường sắt Bắc - Nam), nhờ đó Thanh Hóa kết nối trực tiếp với nhiều đô thị và trung tâm phát triển kinh tế lớn của cả nước như Thủ đô Hà Nội, thành phố Vinh, Khu Kinh tế trọng điểm Miền Trung. Ngoài giao thông bộ, giao thông thủy và đường hàng không của Thanh Hóa cũng đầy tiềm năng phát triển với tuyến đường thủy trên sông Mã, cảng nước sâu Nghi Sơn - Hòn Mê, sân



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

bay dân dụng Thọ Xuân... đây là những điều kiện thuận lợi để thành phố hội nhập và phát triển cùng các vùng miền cả nước và quốc tế. Bên cạnh đó, Thanh Hóa còn là vùng đất "địa linh nhân kiệt" có bề dày truyền thống lịch sử lâu đời, với nhiều địa danh gắn với những chiến công hiển hách của cha ông ta suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước: thành nhà Hồ (được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Thế giới năm 2011), khu di tích Lam Kinh, cầu Hàm Rồng, sông Mã... Do đó, Thanh Hóa còn là một trong những trung tâm du lịch văn hóa - tâm linh, du lịch sinh thái - biển của vùng Đồng bằng Bắc bộ.

Hiện nay, thành phố Thanh Hóa đang dần trở thành đô thị trung tâm ven biển phía nam Đồng bằng Bắc bộ, có tính đối trọng với thành phố Hải Phòng, và cùng thành phố Vinh là 02 đô thị nổi trội về những yếu tố thuận lợi để phát triển thành đô thị Trung tâm vùng duyên hải từ Hải Phòng đến Nghệ An. Với vai trò vị thế và điều kiện thuận lợi như trên, thành phố đã đạt bước tiến quan trọng để năm 2004 được công nhận là đô thị loại II, và trải qua 10 năm phấn đấu tới nay thành phố đã cơ bản hội tụ đủ điều kiện để trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh, đối chiếu với các quy định trong Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung

của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Cụ thể: năm 2012, thu ngân sách của thành phố chiếm gần 50% tổng thu ngân sách toàn tỉnh; và gấp 1,4 lần so với mức tiêu chí đô thị loại I. Thu nhập bình quân đầu người gấp 2,2 lần mức thu nhập bình quân đầu người cả nước. Tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần đây luôn ở mức cao và ổn định, gấp 2,6 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cả nước cùng giai đoạn. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 72,57 %. Đó là những thành tích xuất sắc mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Thanh Hóa nói riêng, tỉnh Thanh Hóa nói chung đạt được nhằm hiện thực hóa Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 09/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Thanh Hóa nhiệm kỳ 2010 - 2015 "Xây dựng phát triển thành phố Thanh Hóa lên đô thị loại I trước năm 2015".

Báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, và ý kiến của các thành viên khác trong Hội đồng đều đồng thuận với việc nâng loại cho thành phố Thanh Hóa, với nhiều chỉ tiêu vượt bậc như diện tích sàn nhà ở bình quân, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ đô thị hóa, cấp nước... Cơ cấu kinh tế của thành phố chuyển dịch cân đối và đúng hướng. Quy mô thành phố được mở rộng với phân khu chức năng rõ nét. Bên cạnh đó, một số hạn chế trong phát triển của Thanh Hóa cũng được các thành viên Hội đồng nêu ra cùng thảo luận trong Hội nghị: kiến trúc cảnh quan chưa đẹp, chưa khai thác hết chiều sâu cảnh quan của một thành phố bên bờ sông Mã anh hùng; công tác quy hoạch nghĩa trang, thu gom xử lý rác chưa tiến hành triệt để. Tới đây, thành phố cần tập trung đầu tư, xây dựng công trình điểm nhấn; mở rộng không gian xanh; đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng đô thị; kết nối các di tích văn hóa - lịch sử trên địa bàn thành quần thể di tích nhằm đẩy mạnh du lịch tâm linh - văn hóa.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí với các ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định là Thanh Hóa đã có đủ điều kiện để được nâng lên thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh. Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, sự phát triển của thành phố sau khi điều chỉnh Quy hoạch năm 2009 (theo Quyết định số 84/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035) rất có kế hoạch, theo đúng lộ trình, qua đó, các Chương trình, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và thành phố đã định hướng rất tốt và kịp thời cho các chương trình phát triển đô thị. Thành phố được mở rộng

gần gấp 03 lần so với 10 năm trước đây, song vẫn đảm bảo các chỉ tiêu của đô thị loại I - đây là nỗ lực, là quyết tâm lớn của Chính quyền và nhân dân địa phương mà Hội đồng hôm nay trân trọng và đánh giá rất cao. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng lưu ý, sau khi được nâng loại, vai trò, trách nhiệm của một thành phố có diện tích và dân số lớn như Thanh Hóa cũng rất lớn. Do đó, UBND tỉnh và thành phố cần đề ra các chính sách, chương trình phù hợp, để Thanh Hóa phát triển bền vững xứng tầm đô thị động lực không chỉ của tỉnh mà cả vùng liên tỉnh và vùng KTTĐ Miền Bắc.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Luật Nhà ở

Ngày 02/4/2014, tại thành phố Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng), trong phiên họp toàn thể lần thứ 13, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đã tiến hành thẩm định dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi).

Báo cáo tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo Luật Nhà ở (sửa đổi) cho biết, sau gần 8 năm triển khai thực hiện Luật Nhà ở 2005, lĩnh vực phát triển nhà ở của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên Luật Nhà ở hiện hành cũng đã bộc lộ nhiều tồn tại, bất cập cần được nghiên cứu, sửa đổi để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng đã được thông qua tại Đại hội lần thứ XI, cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 và phù hợp với tình hình thực tế

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Chính phủ đã đề xuất 10 nhóm nội dung chủ yếu của Luật Nhà ở (sửa đổi) nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập của Luật Nhà ở hiện hành. Theo đó, công tác phát triển nhà ở phải đảm bảo đúng quy hoạch và kế hoạch để khắc phục tình trạng đầu tư phát triển nhà ở tự phát, phong trào, cơ cấu hàng hóa nhà ở mất cân đối, lệch pha cung - cầu như thời gian qua; Cùng đó, việc đổi mới nội dung, phương thức thực hiện, quy định rõ cơ chế, chính sách ưu đãi giúp đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, trong đó, xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước (cả ở trung ương và địa phương) cũng như khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là các hộ gia đình, cá nhân tham gia phát triển loại hình nhà ở này; các cơ chế tài chính phục vụ cho phát triển nhà ở cũng được quy định rõ. Các chủ sở hữu được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện đầy đủ các quyền của mình đối với nhà ở thông qua việc thống nhất xác định lại thời điểm chuyển quyền sở hữu nhà ở cho phù hợp với từng loại giao dịch.

Đặc biệt, quy định cụ thể về thời hạn sử dụng nhà chung cư theo cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng sẽ tạo điều



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại Hội nghị

kiện thuận lợi trong việc cải tạo, xây dựng lại các nhà chung cư cũ khi bị xuống cấp, hư hỏng; đồng thời, bổ sung quy định cho phép các bên tham gia giao dịch mua bán nhà ở có thể thỏa thuận để bên mua được sở hữu nhà ở trong một thời hạn nhất định nhằm góp phần giảm giá bán nhà ở, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và người dân có thể lựa chọn hình thức sở hữu nhà ở phù hợp với khả năng chi trả. Việc hình thành hệ thống tài chính nhà ở đầy đủ và hiệu quả nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc huy động các nguồn lực tài chính ổn định, dài hạn với lãi suất phù hợp cho phát triển nhà ở, kể cả vốn cho đầu tư và tín dụng cho đầu tư, thay vì trước đây nguồn vốn cho nhà ở chủ yếu từ các tổ chức tín dụng thương mại với nguồn vốn vay ngắn hạn, lãi suất cao. Luật Nhà ở sửa đổi cũng làm rõ hơn các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư, đặc biệt là việc quản lý sử dụng chung cư cao tầng, chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ để đáp ứng các yêu cầu về quản lý các khu nhà chung cư trong giai đoạn mới, cũng như giải quyết các vướng mắc, tồn tại trong việc phá dỡ, xây dựng lại các nhà chung cư cũ, xuống cấp, nguy hiểm; đồng thời hạn chế thấp nhất các tranh chấp, khiếu kiện phát sinh giữa chủ sở hữu, chủ đầu tư và người dân trong quá trình mua bán, quản lý, sử dụng nhà ở.

Lần đầu tiên, hệ thống thông tin dữ liệu về

nhà ở được xây dựng đầy đủ, tin cậy và cập nhật thường xuyên làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, lập chương trình, kế hoạch và phân bổ nguồn lực hợp lý cho phát triển nhà ở, tránh việc đầu tư dàn trải, lãng phí, dư thừa sản phẩm nhà ở; đồng thời giúp các chủ đầu tư và người dân khi tham gia thị trường nhà ở có đầy đủ thông tin để đưa ra các chiến lược kinh doanh và cung cấp sản phẩm hợp lý, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Cùng đó, đối tượng và điều kiện được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng được mở rộng để thu hút nhân tài, nguồn lực, kinh nghiệm cho đầu tư, phát triển đất nước, góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và phù hợp với thông lệ quốc tế. Dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi) còn sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan đến phát triển và quản lý nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ để bảo đảm phù hợp với thực tế hiện nay và thống nhất với các đạo luật khác có liên quan.

Tại phiên họp này thẩm định dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi, các thành viên của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đã đóng góp ý kiến, trao đổi và nghe báo cáo giải trình của đơn vị soạn thảo để làm rõ một số nội dung của dự thảo Luật,

như: quy định cụ thể về bán hay cho thuê chung cư có thời hạn; bố trí và quản lý nhà công vụ; tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận nhà ở xã hội; dành đất xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất; vấn đề cho người nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam...

Phát biểu tại Hội nghị, theo Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Phan Trung Lý, việc sửa đổi cơ bản và toàn diện Luật Nhà ở lần này nhằm thể chế hóa các quan điểm của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền con người, quyền công dân về nhà ở, có chính sách phát triển nhà ở phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; tạo điều kiện để mọi người có nhà ở, trong đó đặc biệt quan tâm đến đối tượng thu nhập thấp, người có công...; đồng thời tạo môi trường thuận lợi để người dân, doanh nghiệp và Nhà nước phát triển nhà ở theo hướng lành mạnh, bền vững. Trên cơ sở các ý kiến tham gia và giải trình tại phiên họp này, Ủy ban Pháp luật Quốc hội sẽ xây dựng Báo cáo thẩm tra về dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi để trình Quốc hội xem xét.

Minh Tuấn

Chủ tịch Viện Cuba hữu nghị với các dân tộc (ICAP) thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng

Ngày 08/4/2014, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã có buổi tiếp với Bà Kenia Serano Puig - Chủ tịch Viện Cuba hữu nghị với các dân tộc (ICAP) và đoàn công tác của ICAP nhân dịp đoàn sang thăm và làm việc tại Việt Nam.

Tại buổi tiếp, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam bày tỏ vui mừng được tiếp Bà Chủ tịch ICAP Kenia Serano Puig, Bà Phó Chủ tịch ICAP Alicia Corredera Morales và các thành viên trong đoàn, đồng thời cảm ơn và ghi nhớ những tình

cảm và sự ủng hộ đặc biệt của lãnh tụ Cuba Fidel Castro, các nhà lãnh đạo và nhân dân Cuba đã dành cho Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng vui mừng nhận thấy mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa Việt Nam và Cuba vẫn luôn được củng cố và tăng cường thông qua các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao của hai nước. Trong chuyến thăm Cuba của Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, hai bên đã ký kết Chương



Thủ tướng Nguyễn Trần Nam tiếp Bà Kenia Serano Puig - Chủ tịch ICAP

trình nghị sự kinh tế song phương trung hạn Việt Nam - Cuba, đây là cơ sở pháp lý và kim chỉ nam để thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa hai bên tương xứng với quan hệ chính trị, ngoại giao tốt đẹp giữa hai nước.

Thủ tướng Nguyễn Trần Nam cũng cho biết, Bộ Xây dựng với tư cách là cơ quan thường trực của Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cuba đã chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết với Cuba, điều phối các dự án và hoạt động hợp tác, thúc đẩy và khuyến khích hợp tác kinh tế, thương mại của các doanh nghiệp hai nước. Thủ tướng Nguyễn Trần Nam mong muốn, ICAP trong vai trò là một tổ chức hữu nghị nhân dân sẽ tiếp tục ủng hộ, hỗ trợ và thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, thương mại, khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Cuba.

Thay mặt các thành viên đoàn công tác, Bà Kenia Serano Puig cảm ơn Thủ tướng Nguyễn Trần Nam và các cộng sự của Bộ Xây dựng Việt Nam đã dành thời gian tiếp đoàn, đồng thời

bày tỏ vinh dự được tiếp đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam, trong đó có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, trong chuyến thăm và làm việc tại Cuba vừa qua.

Bà Kenia cũng đánh giá cao vai trò của Chủ tịch phân ban Việt Nam - Cuba trong việc điều phối các hoạt động hợp tác giữa hai nước. Trong đó đánh giá cao sự hợp tác của Việt Nam giúp đỡ Cuba từng bước tự túc được lương thực. Các dự án hợp tác khác trong lĩnh vực thủy hải sản, sinh học, khoa học kỹ thuật cũng đạt được những kết quả tích cực.

Bà Kenia cho biết, vừa qua Quốc hội Cuba đã thông qua Luật đầu tư nước ngoài mới, trong đó có nhiều thay đổi và các bước phát triển mới, là cơ sở pháp lý quan trọng để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Cuba.

Tại buổi tiếp, Thủ tướng Nguyễn Trần Nam cũng chia sẻ với đoàn công tác của ICAP về những kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình phát triển trong các lĩnh vực xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển nhà ở và phát triển đô thị.

Thay mặt đoàn công tác của ICAP, Bà Kenia một lần nữa cảm ơn Bộ Xây dựng đã có nhiều hoạt động tích cực khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Cuba và thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước. Về phía mình, Bà Kenia khẳng định, ICAP sẽ làm hết sức mình để mối quan hệ hợp tác giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước ngày càng bền chặt và hiệu quả.

Minh Tuấn

Đô thị hóa kiểu mới thử thách năng lực tổng hợp của các doanh nghiệp

Định nghĩa về đô thị hóa kiểu mới có một điểm khác lớn nhất so với định nghĩa đô thị hóa trước đây là nằm ở chữ “mới”. Chữ mới này là

để phân biệt với mở rộng quy mô, mở rộng không gian mà xây dựng đô thị trước đây theo đuổi một cách phiến diện, thay vào đó nâng

cao văn hóa đô thị và dịch vụ công là nội hàm chính và là trọng tâm trong xây dựng đô thị. Nhờ đó, chất lượng của quy hoạch đô thị sẽ được nâng cao, kết cấu và bố cục công trình cũng sẽ trở nên chặt chẽ và hợp lý. Đối với các doanh nghiệp xây dựng, cái được thử thách chính là năng lực, không chỉ nằm ở thực lực về tài chính mà còn nằm ở trình độ tổng hợp của doanh nghiệp, khả năng thích ứng với công trình có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao và trình độ quản lý dự án cao hơn. Vì vậy, dùng trình độ khoa học kỹ thuật và tố chất nhân văn cao để tham gia vào cuộc cạnh tranh mới sẽ trở nên quan trọng hơn đối với các doanh nghiệp.

Việc thúc đẩy phát triển đô thị hóa kiểu mới đồng nghĩa với việc mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp xây dựng. Doanh nghiệp xây dựng với tư cách là một trong những nhân tố chủ lực trong xây dựng đô thị cần coi trọng những phương diện dưới đây để nắm bắt được cơ hội:

1. Vận hành nguồn vốn để thúc đẩy sự phát triển của ngành Xây dựng

Đô thị hóa kiểu mới là điểm tập trung quan trọng mà Chính phủ tiến hành kích cầu đầu tư, mở rộng nhu cầu trong nước và chuyển dịch cơ cấu phát triển. Theo thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban Phát triển và Cải cách Trung Quốc đã chỉ đạo biên soạn và sẽ cho ra đời “Xúc tiến phát triển quy hoạch đô thị hóa lãnh mạnh giai đoạn 2011 - 2020”. Quy hoạch này đề cập tới việc xây dựng của hơn 20 nhóm đô thị, hơn 180 đô thị từ cấp địa phương trở lên và trên 10 nghìn thành phố và thị trấn, trong tương lai 10 năm sẽ kích cầu đầu tư 40 nghìn tỷ NDT. Trong tiến trình đô thị hóa, việc đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đô thị chắc chắn phải được tiến hành trước, hơn nữa sự tập trung của các ngành công nghiệp cũng như sự tập trung dân số sẽ dẫn dắt cho việc đầu tư tương ứng vào các ngành chế tạo, bất động sản và cơ sở hạ tầng sinh hoạt, các công trình đặc biệt, nhà ở... cũng sẽ được

hưởng lợi và toàn bộ ngành Xây dựng chắc chắn cũng sẽ đón lấy những cơ hội phát triển mới. Vì vậy, các doanh nghiệp xây dựng không thể chỉ giới hạn với việc nhận thầu thi công những công trình truyền thống mà nên kết hợp với thực tế của bản thân doanh nghiệp để tích cực thử nghiệm làm tổng thầu xây dựng công trình, thử nghiệm vận dụng các mô hình đầu tư BT, BOT để thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng cho doanh nghiệp.

2. Bồi dưỡng ưu thế cạnh tranh tổng hợp

Trọng tâm của đô thị hóa là việc chuyển dịch dân số từ nông thôn tới các thành phố và thị trấn, điều này chắc chắn sẽ mang lại sự tập trung của thị trường bất động sản tại các đô thị loại II và loại III, thậm chí là các thị trấn và làng quê, việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị đồng bộ cũng sẽ được tiến hành đồng thời. Các doanh nghiệp xây dựng thông qua chuyển đổi nâng cấp trong vài năm trước hay một số doanh nghiệp xây dựng có quy mô, bố cục phát triển đa dạng đã trở nên thành thực hoặc bước đầu hình thành về cơ bản đều đề cập tới nhiều mảng khối công nghiệp như bất động sản, thi công xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng..., một số doanh nghiệp trong quá trình phát triển nhiều năm đã xây dựng được thương hiệu tốt. Vì vậy, trong quá trình phát triển đô thị hóa kiểu mới, những doanh nghiệp này chắc chắn sẽ có ưu thế cạnh tranh, thị trường cạnh tranh cũng sẽ càng mạnh mẽ và khốc liệt hơn.

3. Tăng cường đầu tư chiều sâu, nâng cao hiệu quả

Đầu tư chiều sâu là một phương thức cạnh tranh trong hoạt động kinh tế. Trong cùng một bối cảnh thị trường, việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý thông qua đầu tư chiều sâu sẽ giúp nâng cao chất lượng kinh doanh, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn, và cuối cùng là nâng cao được lợi nhuận. Nói một cách đơn giản, đầu tư chiều sâu lấy lợi ích (lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế) làm căn bản, đối với tái cơ cấu các hạng mục kinh doanh

thực hiện dùng nguồn vốn nhỏ nhất để thu được lợi nhuận lớn nhất. Vì vậy, các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao đầu tư chiều sâu, chủ yếu là xây dựng cơ chế hoạt động tiên tiến, khoa học, tính khả thi của các biện pháp và tính hiệu quả của kết quả kinh doanh. Cơ chế quản lý không tiên tiến chắc chắn sẽ cản trở sự phát triển, làm giảm hiệu suất; các biện pháp có thật sự khả thi hay không sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh, thậm chí là khả năng sinh tồn của doanh nghiệp.

4. Khắc phục những tồn tại phổ biến

Những tồn tại phổ biến đối với các doanh nghiệp xây dựng hiện nay có một vấn đề là thiếu nhân lực chất lượng cao. Trong quá trình đẩy mạnh đô thị hóa kiểu mới, các doanh nghiệp xây dựng sẽ có nhiều cơ hội phát triển, do vậy, sự thiếu hụt về nguồn nhân lực sẽ trở thành một trong những yếu tố cản trở sự phát triển của doanh nghiệp. So sánh trình độ năng lực của người lao động trong ngành Xây dựng với các ngành khác cho thấy, tuy nhân viên quản lý và nhân viên kỹ thuật chuyên ngành chiếm một tỷ lệ nhất định xong chủ yếu vẫn là đội ngũ lao động phổ thông. Công nhân xây dựng chủ yếu là người dân từ nông thôn lên thành phố khi họ chưa trải qua bất kỳ sự đào tạo nào. Do vậy, khó có thể đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng công trình, thậm chí xuất hiện các sự cố về an toàn chất lượng. Ngoài ra, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế trong những năm gần đây, mức sống của người dân được nâng cao không ngừng, tuy nhiên sự vất vả của người công nhân xây dựng, sự kém chất lượng của môi trường làm việc đã khiến cho ngày càng nhiều thanh niên không muốn trở thành những công nhân xây dựng. Sự

thiếu hụt nhân công chắc chắn sẽ khiến cho chi phí nhân công tăng lên và ảnh hưởng tới sự phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ công nhân kỹ thuật ổn định sẽ trở thành công tác không thể chậm trễ của các doanh nghiệp xây dựng.

Thứ hai là những thách thức phải đổi mới khi chuyển đổi mô hình hoạt động của doanh nghiệp xây dựng: Đô thị hóa kiểu mới nhấn mạnh sự phát triển đồng thời đô thị và nông thôn, công nghiệp và đô thị thúc đẩy lẫn nhau. Hiện tại, đa số các doanh nghiệp xây dựng còn đang trong giai đoạn phát triển từ qua loa, đại khái sang kiểu tập trung chuyên sâu. Cùng với sự thúc đẩy đô thị hóa kiểu mới, sẽ có những yêu cầu cao hơn đối với việc tiết kiệm năng lượng xây dựng, thông minh hóa xây dựng, vật liệu xây dựng kiểu mới... Trong quá trình thúc đẩy đô thị hóa kiểu mới, chỉ có không ngừng tối ưu hóa kết cấu công nghiệp, nỗ lực hướng tới xây dựng xanh, xây dựng thông minh, vật liệu xây dựng mới... mới có thể chiếm được thị phần cao hơn.

Tóm lại, việc đẩy mạnh đô thị hóa kiểu mới sẽ mang đến nhiều cơ hội cho ngành Xây dựng, đồng thời cũng tạo ra những thách thức mới. Các doanh nghiệp xây dựng chỉ có tích cực nỗ lực, kiên trì cải cách đổi mới, đẩy nhanh chuyển đổi nâng cấp mới có thể sinh tồn và phát triển trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới.

Uông Cần Hữu

Chủ tịch Tập đoàn Xây dựng Vạn Niên Đạt

Giang Tô

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 23/2013

ND: Kim Nhạn

Dự án Phát triển nhà ở theo phương pháp công nghiệp của LB Nga

Trong khuôn khổ Chương trình “Nhà ở tiện nghi và có mức giá hợp lý cho các công dân

Nga”, Dự án Phát triển nhà ở theo phương pháp công nghiệp tại các vùng miền trên lãnh thổ

Nga đã được Viện Thiết kế Moskva phối hợp cùng Liên hiệp Thiết kế Xây dựng Evro Dom - 120 nghiên cứu. Dự án đồng thời thu hút sự tham gia của rất nhiều tổ chức chuyên ngành của Nga.

Xây dựng các tổ hợp nhà ở nhanh, giá hợp lý được tiến hành trên cơ sở xây công nghiệp, ứng dụng khung kim loại và các kết cấu chế tạo sẵn trong nhà máy. Dự án được kỳ vọng có thể đẩy mạnh các giải pháp cho bài toán nhà ở vốn đang rất cấp bách đối với nước Nga hiện nay.

Nhà ở luôn là một nhu cầu lớn của xã hội. Và giờ đây, bước sang thế kỷ XXI, nhu cầu về nhà ở ngày càng lớn hơn, quỹ nhà ở trước đây đã cũ và tình trạng nguy cơ cao rất lớn. Cũng như trước đây, Nga chưa thể thành công giải quyết vấn đề thiếu nhà ở. Các tác giả dự án cho rằng: lời giải cho bài toán này có thể tìm ra trên cơ sở các giải pháp công nghiệp trong xây dựng, đồng thời dựa vào sự tối ưu hóa các tổ hợp nhà ở có tính tới các đặc điểm của từng vùng cụ thể.

Một trong các dự án xây dựng nhà ở nhanh đã được hoàn tất trong thời gian 120 ngày - một tòa nhà 10 tầng với 03 đơn nguyên, đạt tiêu chuẩn chất lượng châu Âu, được thực hiện theo hình thức chìa khóa trao tay, bao gồm cả gia công nội thất và hạng mục kỹ thuật bên trong. Bằng hình thức xây công nghiệp, nội dung của dự án là ứng dụng tối đa các cấu kiện xây dựng tiên chế, và đẩy nhanh tiến độ xây lắp trên công trường xây dựng với chi phí nhân công tối thiểu.

Khung kim loại đóng vai trò cơ bản về mặt kết cấu, được lắp ráp từ những chi tiết chế tạo sẵn trong nhà máy. Việc lắp ráp khung trên hiện trường thi công không cần bất cứ mối hàn nào - tất cả là các liên kết bằng bulông, ốc vít. Tùy vào tình hình cụ thể, các cấu kiện của kết cấu bao che, tấm sàn ngăn giữa các tầng, vách ngăn nội thất ...đều được chế tạo sẵn tại nhà máy, hoặc được lắp ráp từ các chi tiết nhỏ tại khu vực sản xuất được bố trí gần nơi thi công. Như vậy, công tác thi công không bị phụ thuộc

vào điều kiện khu vực. Điều vô cùng quan trọng là các kết cấu đều có khối lượng tương đối nhỏ, do đó nhà xây cần có móng nhẹ, đồng thời không ứng dụng công nghệ nặng nề. Điều này mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt, bởi nó cho phép tiến hành thi công trong khoảng thời gian ngắn, trong điều kiện chật hẹp, tại những nơi địa hình phức tạp (nền đất yếu chằng hạn), và ở những khu vực thường có động đất.

Dù đã có các Nghị quyết và sắc lệnh của lãnh đạo các cấp, những bước tiến quan trọng trong việc giải bài toán chính yếu này - bảo đảm nhà ở có mức giá hợp lý cho các công dân của quốc gia lớn nhất thế giới trước đây lại chưa được quan tâm đúng mức. Một trong các nguyên nhân của tình trạng này là các giải pháp đưa ra trước đây chưa hướng các nhà xây dựng tới việc giải quyết vấn đề triệt để, có tính tới tiềm năng xây dựng, năng lực sản xuất, các điều kiện cụ thể của từng khu vực xây dựng.

Mục tiêu của Dự án là giải quyết các nhiệm vụ đã được đề ra trong hai chương trình Liên bang - “Nhà ở”, và “Nhà ở tiện nghi có mức giá hợp lý cho các công dân Nga”. Ở đây cần giải quyết cả hai khía cạnh - xã hội và công nghệ, kèm theo đó là sự bảo đảm mức tiện nghi sinh hoạt, sự phong phú, đa dạng về kiến trúc và tính biểu cảm.

Chương trình được áp dụng cho các vùng miền trong lãnh thổ Liên bang Nga, và được lập trên cơ sở các giải pháp kiến trúc - thiết kế đô thị hiện đại và các công nghệ xây dựng tiên tiến. Dưới sự chỉ đạo của kỹ sư trưởng dự án A.Zaitsev, một loạt các dự án nhà ở dưới nhiều hình thức khác nhau - nhà phố, nhà block, nhà cao tầng... đã được nghiên cứu.

Khả năng lựa chọn nhiều, phương án phong phú cho phép các nhà thiết kế và nhà xây dựng tổ chức một không gian sống hấp dẫn và thoải mái tại hầu hết các vùng của nước Nga, thậm chí cho từng hộ gia đình: xây dựng mới các tổ hợp lớn hoặc những tòa nhà biệt lập; tái thiết các ô phố nội thị; xây dựng trong các điều kiện

khí hậu không thuận lợi, tại những vùng mà hạ tầng sản xuất kém phát triển.

Các tổ hợp này được ứng dụng công nghệ khung kim loại, các cấu kiện được chế tạo sẵn trong nhà máy, đảm bảo trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể xây dựng được những tòa nhà có chất lượng phù hợp các tiêu chuẩn châu Âu. Các tòa nhà được xây từ các vật liệu được sản xuất tại nhà máy với độ chính xác cao, đương nhiên, công nghệ lắp ráp phải cao.

Các chuyên gia còn nghiên cứu các giải pháp thiết kế đô thị khác nhau, tối ưu hóa việc sử dụng các diện tích đất xây dựng và bố trí các tòa nhà nhằm đảm bảo độ phơi sáng tiêu chuẩn trong mỗi căn hộ, cũng như sự phân chia tối đa các khu vực cây xanh, khu nghỉ ngơi của người dân. Các căn hộ đều phù hợp với các hướng dẫn của Bộ Phát triển vùng về việc chuyển đổi nhà ở sang hình thức tiết kiệm, tính theo diện tích và giá thành. Song trong phạm vi các hạn chế này, các tác giả chương trình quyết định không thu nhỏ diện tích các căn hộ, mà ngược lại, cố gắng tăng diện tích và làm cho căn hộ có mức giá hợp lý không phải nhờ diện tích nhỏ, mà nhờ vào việc giảm giá thành mỗi mét vuông trong căn hộ. Tùy vào hình thức xây dựng và số lượng cư dân, các dự án còn xem xét cả việc chỉnh trang, bố trí các khu cây xanh, các công trình hạ tầng xã hội cần thiết.

Việc chia tách khu vui chơi nghỉ ngơi của cư dân và trẻ em với khu vực dành cho giao thông được chú trọng. Sự chú trọng nữa cũng được dành cho vấn đề diện mạo kiến trúc đặc trưng của nhà cao tầng xây nhanh tùy thuộc vào từng khu vực cụ thể, vào cảnh quan thiên nhiên và văn hóa xung quanh; cũng như lợi ích của nhà đầu tư. Công nghệ xây nhà nhanh được ứng dụng vào các hạng mục tương ứng của tổ hợp nhà ở - các hạng mục xã hội cũng như kỹ thuật. Sơ đồ kết cấu mở ra cho các nhà thiết kế các phương án khác nhau của giải pháp mặt tiền. Việc ứng dụng các panel tường cho phép thực hiện công tác sơn màu bất kỳ và trực tiếp ngay

tại nhà máy, hoặc phủ lại bằng các vật liệu ốp mà không cần các tiểu tiết phụ trợ, do đó giảm giá thành gia công so với các mặt tiền treo thông gió đang rất phổ biến hiện nay.

Các vật liệu giữ nhiệt hiệu quả cho tường kết hợp với các khung làm bằng thanh profile giữ nhiệt đã giảm một cách đáng kể nhiệt lượng dư trong quá trình khai thác các tòa nhà và các công trình; còn hệ thống liên lạc kỹ thuật được bố trí bên trong các tường khung và các tấm sàn, từ đó tối ưu hóa việc xây lắp nội thất gian phòng. Các khung bằng thép cán và các thanh profile giữ nhiệt bảo đảm cho các giải pháp kết cấu của nhà ở cao tầng và nhà nhiều đơn nguyên có từ 10 tầng trở lên. Cần ghi nhận một điều: do đặc điểm đàn hồi, việc ứng dụng các khung thép cán đặc biệt rất cần thiết tại các khu vực động đất hoặc các vùng có nguy cơ cao về hiểm họa thiên nhiên.

Trong các trường hợp cần thiết, việc xử lý các kết cấu đã khấu hao xong cũng khá đơn giản, do các yếu tố xây nhà tiên chế hoàn toàn được chế tạo từ các vật liệu an toàn về mặt sinh thái. Kim loại làm khung thuộc loại nguyên liệu quý có thể tái sử dụng. Bên cạnh đó, do khối lượng nhỏ của vật liệu và tính nhỏ gọn của kết cấu được chuyên chở, nên chi phí vận chuyển cũng sẽ được tiết kiệm đáng kể. Và một điều có ý nghĩa hết sức quan trọng là thời gian thi công ngắn, từ đó tiết giảm thực sự các nguồn tín dụng cần thiết của các nhà xây dựng và tiết kiệm vốn cho các công ty xây dựng.

Công tác thi công hiện nay, cùng với sự gia tăng liên tục chiều cao của các ngôi nhà, và sự phức tạp hóa sơ đồ kết cấu đã cho phép xuất hiện những căn hộ đắt giá không phù hợp với túi tiền của số đông, thậm chí là của các doanh gia. Việc áp dụng các khung kim loại chịu lực và các yếu tố được chế tạo sẵn trong nhà máy với các kết cấu bao che và các tấm sàn, có sử dụng các thanh profile giữ nhiệt sẽ giúp giảm thực sự các chỉ số vật liệu, giá thành cũng như lao động trong xây dựng công nghiệp; đồng

thời, các tính chất về chất lượng và khai thác đều được duy trì ở mức cao. Theo thống kê của Liên hiệp Evro Dom -120, bình quân 01 m² trong những ngôi nhà khung bao gồm cả gia công và mạng kỹ thuật nội bộ có giá không vượt quá 21,5 nghìn rúp (xấp xỉ 604 USD). Một con số để so sánh: 01 m² nhà ở tại Moskva tính đến cuối năm 2013 có mức giá trung bình khoảng 195 nghìn rúp; tại các vùng miền khác nhau của Nga bình quân từ 65 nghìn - 85 nghìn rúp.

Tùy theo hình thức tòa nhà và điều kiện đất xây dựng, chi phí cho xây dựng có thể giảm đi. Với giá xây dựng thấp, cộng hàng loạt ưu điểm về kết cấu, kiến trúc cũng như thời hạn khai

thác, Chương trình dự án hoàn toàn đáp ứng mục tiêu ứng dụng vào thực tiễn xây dựng công nghiệp. Các dự án thực sự cần thiết đối với các vùng miền của nước Nga trong khuôn khổ hiện thực hóa các Chương trình Liên bang “Nhà ở” và “Nhà ở tiện nghi có mức giá hợp lý cho công dân Nga”.

S.V.Mindrul

Viện sĩ, Giám đốc Viện Thiết kế Moskva

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga
tháng 2/2013(www.stroyorbita.ru)*

ND: Lê Minh

Việc đào tạo và đào tạo lại chuyên gia trong lĩnh vực tiêu chuẩn châu Âu tại trường Đại học Xây dựng Mátxcova, Liên bang Nga

Vấn đề áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu (Eurocode) (sau đây viết là TC châu Âu) trong thiết kế và xây dựng tại Liên bang Nga đã được cộng đồng các nhà chuyên môn như các chuyên gia thuộc các tổ chức thiết kế và xây dựng, các giảng viên của các trường đại học xây dựng thảo luận từ nhiều năm nay. Kết quả của quá trình đó là việc Bộ Phát triển vùng Liên bang Nga thông qua chương trình thay đổi các quy chuẩn, TC và quy phạm xây dựng kể cả việc triển khai áp dụng đầy đủ TC châu Âu ở Liên bang Nga. Hoàn thiện hệ thống các TC và quy phạm xây dựng và TC quốc gia ở Liên bang Nga được bắt đầu triển khai từ năm 2010, còn việc đưa vào áp dụng đầy đủ TC châu Âu dự định sẽ được triển khai từ năm 2015.

Việc thực hiện nhiệm vụ nêu trên là một quá trình rất phức tạp. Điều đó không đơn giản chỉ là biên dịch TC châu Âu sang tiếng Nga, mà còn cần biên tập về nội dung khoa học, thống nhất thuật ngữ, bổ sung các đặc điểm của quốc gia (như các điều kiện thiên nhiên - khí hậu, động đất, địa vật lý,...).

Ngoài ra, còn cần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuyên gia như các nhà thiết kế, các nhà xây dựng để họ có khả năng thiết kế phù hợp với các TC châu Âu.

Do vậy, trường Đại học Xây dựng quốc gia Mátxcova (sau đây viết là ĐHXDQG Mátxcova) đặt ra cho mình nhiệm vụ đào tạo thế hệ các chuyên gia mới được định hướng vào việc sử dụng các TC của Liên bang Nga và cả các TC châu Âu, nhận thức được sự giống nhau và khác nhau giữa các TC và quy phạm đó về phương pháp thiết kế kết cấu, phương pháp thử nghiệm, đánh giá chất lượng vật liệu và tiến hành tính toán theo các TC .

Năm 2011 tại ĐHXDQG Mátxcova đã triển khai dự án áp dụng và phát triển hệ thống các TC xây dựng châu Âu và hệ thống đào tạo và nghiên cứu khoa học. Với mục tiêu triển khai thực hiện dự án, một hệ thống chuyên dụng đã được thành lập theo đó công việc cần phải được triển khai theo các hướng sau: Đào tạo các giảng viên - chuyên gia có khả năng làm công tác đào tạo đối với sinh viên, thạc sĩ, nghiên

cứu sinh và các kỹ sư đang làm luận án; xây dựng cơ sở về phương pháp giảng dạy như sách giá khoa, sách hướng dẫn và các tài liệu hướng dẫn phương pháp,...; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho kỹ sư xây dựng, kỹ sư thiết kế và giảng viên của các trường đại học và cao đẳng.

Để phục vụ cho công tác đào tạo giảng viên - chuyên gia trong lĩnh vực TC châu Âu, hàng năm trường tổ chức các chuyến đi thực tập tại Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) - một tổ chức được thành lập và hoạt động từ rất lâu, giữ vai trò quan trọng trong công tác phân loại và tiêu chuẩn hóa trên thế giới và đang thực hiện chương trình áp dụng TC châu Âu trong công tác thiết kế tại các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.

Năm 2011, giáo viên của ĐHXDQG Mátxcova đã được đào tạo về các TC châu Âu EN 1990, 1991, 1992 và các TC của châu Âu liên quan. Năm 2012, giáo viên của Trường được đào tạo về TC châu Âu EN 1993, 1994, 1999 và các TC, quy phạm kèm theo. Năm 2013 - 2014 dự định giáo viên của Trường sẽ được qua các khóa thực tập về TC châu Âu EN 1995 - 1998.

Việc xây dựng cơ sở phương pháp giảng dạy phục vụ đào tạo sử dụng TC châu Âu được bắt đầu từ việc biên dịch các tài liệu sang tiếng Nga và xuất bản sách của nhà xuất bản "Tomas Telford" và Viện TC Anh dành cho các nhà thiết kế. Công tác biên tập khoa học đối với các ấn phẩm nêu trên là công việc khó khăn và đòi hỏi trách nhiệm cao. Công việc này do các chuyên gia của ĐHXDQG Mátxcova thực hiện; họ là những người đã được đào tạo tại Viện TC Anh và tại ĐHXDQG Mátxcova đồng thời đã được cấp chứng chỉ là chuyên gia trong các lĩnh vực tương ứng của hệ thống TC châu Âu. Trong khoảng thời gian đó, Trường đã xuất bản được 7 cuốn sách giáo khoa sau: "Trích dẫn từ TC châu Âu" (sách dành cho sinh viên ngành xây dựng); "Hướng dẫn thiết kế theo TC châu Âu

EN 1990: Cơ sở thiết kế công trình"; "Hướng dẫn sử dụng TC châu Âu 1: Sự tác động lên công trình. Các mục của TC châu Âu EN 1991-1-1 và 1991-1-3 và 1991-1-7"; Hướng dẫn thiết kế theo TC châu Âu 2: Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép. EN 1992-1-1 và 1992-1-2"; "Hướng dẫn thiết kế theo TC châu Âu 3: Thiết kế kết cấu thép. EN 1993-1-1"; "Hướng dẫn thiết kế theo TC châu Âu 4: Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép. EN 1994-1-1"; "Hướng dẫn thiết kế theo TC châu Âu EN 1991-1-2, 1992-1-2, 1993-1-2, 1994-1-2 về thiết kế chống cháy cho kết cấu thép, bê tông cốt thép và bê tông của nhà và công trình theo TC châu Âu".

Công việc nêu trên sẽ còn được tiếp tục triển khai và việc phát hành tài liệu hướng dẫn thiết kế theo TC châu Âu 1995 - 1999 cũng đã được dự định tiến hành.

Ngoài việc xuất bản sách giáo khoa của Anh, ĐHXDQG Mátxcova đang soạn thảo tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu - giảng dạy và phương pháp của trường về TC châu Âu. Ngay trong năm nay, tài liệu hướng dẫn đầu tiên về phân tích so sánh các TC của Nga và châu Âu trong lĩnh vực vật liệu và cấu kiện xây dựng do cán bộ của Bộ môn VLXD biên soạn đã được phát hành. Trong đó có sách giáo khoa hướng dẫn về phương pháp đối với xi măng, bê tông và vữa bê tông, các phương pháp kiểm tra cường độ của bê tông bằng phương pháp không phá hủy, về gổm, nhựa đường, vật liệu chống thấm nước và cách nhiệt. Trong tương lai, nội dung của ấn phẩm nêu trên sẽ được mở rộng sang các loại vật liệu khác kể cả việc xuất bản sách giáo khoa mới về thiết kế.

Một hướng mới của công tác đào tạo là tổ chức các hội thảo, các khóa đào tạo thạc sỹ nghiên cứu TC châu Âu, tổ chức hội nghị quốc tế có sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài là thành viên của Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu (SEN) và các chuyên gia Nga.

Cuộc hội thảo đầu tiên về TC châu Âu với chủ đề: "Tiêu chuẩn châu Âu ở châu Âu và

Nga: Những thách thức và khả năng” đã diễn ra vào tháng 10/2011 với sự chủ trì của các chuyên gia được mời dự là GS. M. Golitski (Đại học Kỹ thuật tổng hợp Praha, Cộng hoà Séc) và GS. V. Kodur (Đại học Tổng hợp Michigan, Mỹ) cùng với sự tham gia của trên 40 giáo sư và nhà khoa học trẻ đến từ ĐHXDQG Mátxcova, các viện thiết kế chuyên ngành và các tổ chức xây dựng. Hội thảo đã được truyền trực tuyến cho 8 trường đại học của nước Nga.

Tháng 11/2011 đã diễn ra lớp đào tạo thạc sỹ về áp dụng TC châu Âu: EN 1990: Cơ sở thiết kế xây dựng; EN 1991: Các tác động và tải trọng cơ bản; EN 1992: Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép. Các bài giảng trên lớp và các giờ học thực tế do GS. R. Narayanan (Đại học hoàng gia Luân Đôn), GS. P. ,Slel (Đại học Brucxel và Công ty “SECO”, Bỉ), GS. Zh. Valraven (Đại học Kỹ thuật Delf, Hà Lan) trình bày và hướng dẫn. Tham gia khóa học này có trên 80 chuyên gia đến từ các trường đại học, viện thiết kế và đơn vị xây dựng của nước Nga.

Cuối tháng 5/2012 đã diễn ra lớp đào tạo thạc sỹ về áp dụng TC châu Âu: EN 1991-1-2, EN 1992-1-2, EN 1993-1-2, EN 1994-1-2: Sự tác động của lửa lên kết cấu xây dựng; EN 1993: Thiết kế kết cấu thép; EN 1994: Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép. Khóa học được triển khai dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu như GS. P. Spel, GS. Zh. Valraven, GS. R. Debryukere (Đại học Kỹ thuật thành phố Gen, Công ty “SECO”, Bỉ). Tham dự khóa học có trên 100 học viên đến từ các tổ chức của thành phố Mátxcova và các vùng của nước Nga.

Tháng 11/2012 tại ĐHXDQG Mátxcova đã diễn ra Hội thảo khoa học quốc tế “Những vấn đề cấp thiết trong áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu và tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực xây dựng tại Liên bang Nga và các quốc gia Liên minh châu Âu”. Nội dung Hội thảo được bố trí vào 2 cuộc họp và làm việc theo chuyên đề: “Văn bản pháp quy trong lĩnh vực VLXD và công nghệ” và

“Các đặc điểm của việc thiết kế kết cấu bê tông cốt thép và thép theo các tiêu chuẩn của Nga và châu Âu”.

Tham dự Hội thảo có trên 200 đại biểu là các chuyên gia, các nhà thiết kế, các thành viên của các Ủy ban kỹ thuật, các công ty xây dựng của Liên bang Nga (16 thành phố), Ucraina, Belorusia, Kazakhstan, Armenia, Hà Lan, Anh, Cộng hòa Séc và Bỉ. Hội thảo đã được truyền hình trực tuyến đến trên 30 trường đại học của Nga và các quốc gia lân cận.

Các báo cáo trình bày tại Hội thảo cho thấy việc đưa vào áp dụng TC châu Âu tại các nước thuộc Liên minh châu Âu cũng như các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập SNG là một quá trình lâu dài, khó khăn và đòi hỏi thực hiện một khối lượng lớn công tác nghiên cứu khoa học về so sánh các TC châu Âu với TC quốc gia, phát hiện sự khác nhau, hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý kỹ thuật xây dựng cho phù hợp và biên soạn các phụ lục quốc gia.

Các đại biểu đến từ ĐHXDQG Mátxcova, Viện Hàn lâm kiến trúc và xây dựng Nga, Viện nghiên cứu Bê tông và bê tông cốt thép mang tên A.A. Gvozdev đã báo cáo đánh giá so sánh các cách tiếp cận của Nga và châu Âu về các yêu cầu công nghệ, các phương pháp thử nghiệm vật liệu và sản phẩm xây dựng, chất lượng vật liệu và nhiều vấn đề khác.

Các đại biểu đến từ Bỉ và Hà Lan đã chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các TC về VLXD tại các nước thuộc Liên minh châu Âu.

Các đại biểu của Kazakhstan và Ucraina giới thiệu về công tác biên soạn TC quốc gia theo hướng hoàn thiện các TC này cho phù hợp hơn trong các lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng cũng như vấn đề mà các nhà sản xuất gặp phải trong quá trình áp dụng các TC đó tại các nước thuộc SNG.

Các đại biểu dự Hội thảo đã trình bày các báo cáo về các chủ đề sau: So sánh các cách tiếp cận khác nhau được áp dụng trong thiết kế và tính toán kết cấu bê tông cốt thép và thép

theo TC châu Âu và các TC của Liên bang Nga; kinh nghiệm áp dụng TC châu Âu tại Ucraina và Belorussia cũng như những khó khăn mà các nhà thiết kế và xây dựng gặp phải khi áp dụng TC châu Âu; công tác hoàn thiện hệ thống quản lý kỹ thuật của ngành xây dựng Kazakhstan và đặc điểm của việc thiết kế kết cấu bê tông cốt thép và thép thông qua áp dụng TC châu Âu tại Kazakhstan; phân tích so sánh các kết quả tính toán kết cấu bê tông cốt thép theo TC của các nước khác nhau.

Hội thảo đã đưa ra các giải pháp sau:

- Thực hiện công tác nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao độ chính xác của các công thức tính toán nêu trong TC châu Âu;
- Tiếp tục thực hiện công tác kết hợp hài hòa TC châu Âu với TC quốc gia;
- Triển khai hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, thiết kế và các tổ chức xây dựng của Liên bang Nga và các quốc gia SNG trong công tác biên soạn các phụ lục quốc gia;
- Xây dựng các chương trình phối hợp đào tạo kỹ sư thiết kế và kỹ sư xây dựng;
- Thực hiện công tác chuẩn hóa thống nhất các thuật ngữ nêu trong các tài liệu TC của châu Âu và Liên bang Nga đồng thời biên soạn các từ điển giải thích tương ứng;
- Công nhận Liên bang Nga là thành viên liên kết của Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu (SEN);

Năm 2012 ĐHXDQG Mátxcova đã hoàn thành biên soạn chương trình đầu tiên nâng cao trình độ nghiệp vụ “Phối hợp hài hòa các TC châu Âu và TC của Liên bang Nga trong lĩnh vực thiết kế xây dựng” dành cho kỹ sư thiết kế, kỹ sư xây dựng, giảng viên các trường đại học và nghiên cứu sinh. Chương trình gồm có những mô đun như sau: Mô đun 1: Từ điển thuật ngữ. Phân tích các thuật ngữ và định nghĩa. Cơ sở của thiết kế (EN 1990); Mô đun 2: Tải trọng và tác động (EN 1991); Mô đun 3: Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép (EN 1992-1-1); Mô đun 4: Thiết kế kết cấu thép (EN 1993-

1-1); Mô đun 5: Thiết kế kết cấu có tính đến tác động gây sự cố trong đó có tác động của cháy (EN 1991-1-2, EN 1992-1-2, EN 1993-1-2, EN 1994-1-2, EN 1991-1-7); Mô đun 6: Bê tông. Yêu cầu kỹ thuật. Phương pháp thử nghiệm (EN 206-1, EN 12390). Vữa bê tông. Yêu cầu kỹ thuật. Phương pháp thử nghiệm (EN 12350).

Khoá bồi dưỡng đầu tiên theo chương trình nêu trên đã diễn ra vào tháng 1 năm nay với sự tham gia của 55 học viên đến từ các tổ chức của thành phố Mátxcova, tỉnh Mátxcova và các vùng của Liên bang Nga. Khoá học này cũng đã được truyền trực tuyến đến 120 khu vực ở nước Nga.

Tháng 3/1993 tại ĐHXDQG Mátxcova đã diễn ra Hội thảo quốc tế lần thứ 4 về áp dụng TC châu Âu ở Liên bang Nga. Mục tiêu chính của Hội thảo là giới thiệu TC châu Âu trong lĩnh vực thiết kế và đào tạo về cách áp dụng các TC đó.

Chương trình Hội thảo xem xét các mô đun từ 1 đến 4, kể cả TC châu Âu EN 1994 EUROCODE 4: Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép; EN 1998 EUROCODE 8: Thiết kế kết cấu chống động đất. Đối với từng mục của một TC châu Âu tương ứng đều kèm theo việc xem xét các ví dụ cụ thể và các tính toán chi tiết.

Các bài thuyết trình và các bài học thực tế đều do các chuyên gia hàng đầu của Ủy ban châu Âu về tiêu chuẩn hóa trình bày và hướng dẫn. Hội thảo đã được truyền trực tuyến đến 120 vùng ở Liên bang Nga.

Tham dự Hội thảo có trên 100 chuyên gia, nhà thiết kế, thành viên các ủy ban kỹ thuật và các nhà soạn thảo TC thế hệ mới kể cả các giảng viên, nghiên cứu sinh và cử nhân của ĐHXDQG Mátxcova. Những học viên dự Hội thảo đã được trao giấy chứng nhận về nâng cao trình độ chuyên môn.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó hiệu trưởng phụ trách công tác khoa học - sản xuất nhấn mạnh hiện nay ĐHXDQG Mátxcova là trường đại học duy nhất của Liên bang Nga

thành lập hệ thống chuyên ngành đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực TC châu Âu với sự tham gia của chuyên gia nước ngoài. Việc tổ chức các hội thảo loại này là một trong các bộ phận của hệ thống nêu trên được nhà trường đánh giá cao.

Các tài liệu trong Hội thảo sẽ được sử dụng làm tài liệu giảng dạy cho sinh viên, cử nhân, nghiên cứu sinh, đồng thời nâng cao trình độ

chuyên môn cho giảng viên của ĐHXDQG Mátxcova cũng như các chuyên gia thiết kế xây dựng. Hội thảo lần thứ 5 về TC châu Âu sẽ được tổ chức vào mùa Xuân năm 2014.

Olga Borisova Lyapidevskaya

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga, số 9/2013

ND: Huỳnh Phước

Trung Quốc thực hiện Văn minh sinh thái bắt đầu từ tiết kiệm nước

Ngày 22/3/2014 là ngày kỷ niệm 22 năm “Ngày nước thế giới”, với chủ đề “Nước và năng lượng”. Bảo vệ nguồn tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, mối liên quan giữa nước và năng lượng, là những vấn đề liên quan được chính phủ Trung Quốc đặc biệt chú trọng trong ngày phát động toàn dân hưởng ứng “Ngày nước thế giới”. Tiết kiệm nước là một trong những hành động giúp giải quyết vấn đề an toàn nguồn nước ở khu vực đô thị, cũng là cách để bảo vệ hiệu quả môi trường, thúc đẩy phát triển đô thị hóa mới, xây dựng xã hội chủ nghĩa văn minh sinh thái theo yêu cầu mà Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII đã đề ra.

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình trong chuyến khảo sát Bắc Kinh gần đây là nêu rõ “Cần phải thực hiện nghiêm túc và triệt để việc xây dựng đô thị tiết kiệm nước, để ý thúc tiết kiệm nước đến với mỗi người, mỗi nhà, mỗi đơn vị”. Chính quyền địa phương các cấp tích cực tìm kiếm các phương pháp thực hiện tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả sử dụng nước, xây dựng các công trình cấp thoát nước phù hợp với yêu cầu xây dựng đô thị văn minh sinh thái.

Dưới đây là một số thành phố điển hình của Trung Quốc đã triển khai thành công công tác tiết kiệm nước:

Thành phố Hợp Phì: Mở rộng lòng đất để

tiết kiệm nước

Thành phố Hợp Phì thuộc tỉnh An Huy trong mấy năm trở lại đây đã không ngừng đẩy mạnh tốc độ xây dựng hệ thống giao thông ngầm, đường tàu điện ngầm, tuyến số 1 đã xây dựng xong với chiều dài 28,75 km, tuyến số 2 dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2016 với chiều dài 30,06 km, tuyến số 3 dự kiến khởi công trong năm nay với 6.000 công nhân làm việc.

Trong khi thi công, các bộ phận rất chú trọng đến việc bảo tồn mạch nước ngầm và tiết kiệm nước. Khi thi công tuyến tàu điện ngầm số 1, đơn vị thi công lắp đặt các thiết bị đồng hồ nước miễn phí, toàn bộ nhà vệ sinh được lắp đặt van tiết kiệm nước, thùng nước hai ngăn và các thiết bị tiết kiệm nước khác, đồng thời đảm bảo công tác bảo trì, không để xảy ra hiện tượng rò rỉ nước. Khi thi công nước được sử dụng chủ yếu từ máy lọc tuần hoàn lấy từ đường ống nước có sẵn, tận dụng tối đa nước đã qua sử dụng, tái sử dụng nước có thể tiết kiệm được 200 m³ khối nước hàng tháng.

Tô Châu: Đổi mới công nghệ kỹ thuật tiết kiệm nước

Tô châu là thành phố thuộc tỉnh Giang Tô, chính quyền thành phố này khuyến khích các doanh nghiệp ngành nước, các đơn vị sản xuất và tiểu khu nhà ở áp dụng các biện pháp xây dựng với kỹ thuật tiết kiệm nước. Các công trình hành chính, giáo dục, y tế, trung tâm thương

mại, công trình công cộng đều được lắp đặt hệ thống tiết kiệm nước, đường ống nước thải được dẫn trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải, nước tái sử dụng sau khi được xử lý lại được đưa vào sử dụng. Tô Châu còn là thành phố du lịch, chính vì thế chính quyền địa phương cũng chú trọng đến công tác tiết kiệm nước khi xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn, và tuyên truyền tiết kiệm nước ở những nơi công cộng cho người dân và du khách được biết.

Chính quyền thành phố còn thiết lập quỹ tiết kiệm năng lượng, dùng nguồn tiền đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, hệ thống vòi nước công cộng với van kiểm soát lượng nước, hệ thống điều khiển tự động thông minh đầu cấp thoát nước toàn thành phố. Trong 3 năm trở lại đây, toàn thành phố đã đầu tư 248 triệu NDT cho các chi phí liên quan đến cải tạo công nghệ kỹ thuật tiết kiệm nước, chính vì thế hàng năm tiết kiệm được khoảng 1,8 triệu m³ nước. 450 đơn vị, doanh nghiệp trong thành phố cam kết sử dụng không quá 300.000 m³ nước hàng năm. Chính quyền cũng thực hiện việc thu tiền nước theo giá bậc thang, càng dùng nhiều thì chi phí càng lớn, giúp cho người dân và doanh nghiệp có ý thức tiết kiệm nước trong sản xuất và sinh hoạt.

Túc Thiên: Hoàn thiện chế độ quản lý nước bằng văn bản quy phạm pháp luật

Túc Thiên cũng là một thành phố thuộc tỉnh Giang Tô, và là điển hình trong các thành phố về trong việc tích cực thực hiện tiết kiệm nước. Trong năm 2010, chính quyền thành phố này đã đưa ra văn bản “Biện pháp quản lý 3 đồng thời trong việc thực thi dự án xây dựng tiết kiệm nước”, trong đó tập trung vào các biện pháp giám sát, thi công, thiết kế, nghiệm thu công trình đạt tiêu chuẩn tiết kiệm nước. Năm 2012, chính quyền thành phố tiếp tục ban hành “Biện pháp quản lý sử dụng nước tiết kiệm tại thành phố Túc Thiên” và “Biện pháp quản lý nước công cộng ở khu vực đô thị và nông thôn thuộc thành phố Túc Thiên”, nội dung về các quy định

và biện pháp mà văn bản nêu ra đều rất rõ ràng và có tính thực tiễn cao.

Các văn bản quy định rõ ràng trách nhiệm của các đơn vị thi công công trình, yêu cầu về tiêu chí tiết kiệm nước của công trình, bất kể là công trình xây mới, hay cải tạo, hay phá dỡ thì đều phải đảm bảo yếu tố tiết kiệm nước. Đơn vị chịu trách nhiệm sẽ đưa ra đánh giá và giám sát việc thực hiện, doanh nghiệp xây dựng trước khi tiến hành dự án phải cam kết với chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường và tiết kiệm nước. Đơn vị quản lý và vận hành nước, có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra các hệ thống cấp thoát nước, kiểm tra trạm bơm nước, kiểm tra máy móc, đồng hồ, van nước được lắp đặt tại các công trình xây dựng mới xem có đúng yêu cầu kỹ thuật không, đồng thời đánh giá mức độ thất thoát nước (nếu có) khi xảy ra sự cố vỡ đường ống hay rò rỉ nước tại các công trình xây mới.

Quảng Châu: Chia sẻ ý tưởng tiết kiệm nước qua chương trình “Video ngắn”

Chính quyền tỉnh Quảng Châu đã khuyến khích các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thực hiện những “Video ngắn” về chủ đề tiết kiệm nước, nhằm giúp người dân có ý thức hơn trong việc sử dụng nguồn nước. Cuộc thi đem đến những ý tưởng chia sẻ về các biện pháp, hành động tiết kiệm nước, đồng thời cũng đưa ra những hành động sai lầm của con người khi sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên nước và hậu quả mà nó đem lại. Cuộc thi được tổ chức công khai và tuyên truyền sâu rộng đến mọi đối tượng quần chúng nhân dân.

Sau 2 tháng kéo dài cuộc thi, một điều đáng mừng là các video có chất lượng đến từ nhiều nhóm thanh niên trẻ, họ cùng nhau thực hiện và cùng nhau đưa ra các ý tưởng có tính thực tiễn cao như “Tiết kiệm nước công cộng”, “Tương lai của nước do bạn quyết định”, “Hãy tiết kiệm nước từ những hành động nhỏ nhất”, “Bảo vệ và tái sử dụng nước ngay tại gia đình”...

Yên Đài: Xây dựng văn hóa tiết kiệm

nước toàn diện trong đô thị

Trong những năm gần đây, thành phố Yên Bái thuộc tỉnh Sơn Đông liên tục đưa ra các chương trình và hoạt động tuyên truyền, vận động giáo dục tiết kiệm nước đến với người dân, hình thức tuyên truyền sáng tạo, nổi bật, thu hút, mục tiêu là xây dựng đô thị có ý thức văn hóa tiết kiệm nước toàn diện.

Trong 3 năm liên tiếp gần đây, chính quyền thành phố liên tục triển khai các hoạt động tuyên truyền tiết kiệm nước ở trường học, cơ sở sản xuất, khu đô thị và các cơ quan hành chính nhà nước, bệnh viện. Đặc biệt hướng tới đối tượng là học sinh tiểu học và trung học cơ sở, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nước, vẽ tranh cổ động tiết kiệm nước, nuôi dưỡng ý thức và

thói quen tiết kiệm nước cho thế hệ trẻ. Sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại và các cách thức tuyên truyền mới mẻ, hấp dẫn để thu hút sự chú ý của người dân, như phim ảnh, banner quảng cáo, các biển hiệu điện tử trên đường phố, hệ thống tin nhắn thông minh, website, chương trình truyền hình chuyên biệt,... tất cả đều phục vụ mục đích tuyên truyền về tiết kiệm nước và sử dụng nước hiệu quả. Hành động tích cực của chính quyền địa phương chắc chắn sẽ hình thành nên ý thức tích cực của người dân trong việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

Từ Huệ Vĩ

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>

ND: Quỳnh Anh

Thành phố Giang Môn, Quảng Đông, Trung Quốc thực hiện bảo vệ sinh thái, xây dựng đô thị xanh

Con người và thiên nhiên hài hòa phát triển, sẽ giúp nền kinh tế và xã hội phát triển và phù hợp với sự phát triển của môi trường sinh thái. Cùng với việc nền kinh tế xã hội không ngừng phát triển và tiến bộ, đa số người dân đều có những nhu cầu ngày càng cao đối với chất lượng của môi trường sống. Thành phố Giang Môn là một trong những thành phố điển hình đề ra mục tiêu xây dựng thành phố sinh thái quốc gia, và đề xuất này đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ phía quần chúng nhân dân.

Trong quá trình xây dựng đô thị sinh thái, ngoài việc mở rộng phủ xanh, tăng cường bảo vệ môi trường, còn phải khai thác nguồn tài nguyên tiềm ẩn còn nằm trong khu vực, như vậy mới có thể đạt được sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên, đồng thời nguồn tài nguyên được đưa vào sử dụng hợp lý sẽ giúp cho kinh tế xã hội phát triển bền vững. Đây cũng là phương hướng và mục tiêu để phát triển đô thị hóa.

I. Thiết lập khái niệm GDP xanh, xây dựng đô thị sinh thái phát triển bền vững

“GDP xanh” là “lực cứng” để phát triển đô thị, tối ưu hóa tốc độ phát triển và giảm thiểu mức tiêu thụ tài nguyên. Để nâng cao “GDP xanh”, cần tập trung thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp sinh thái, công nghiệp sinh thái... đi theo con đường phát triển bền vững.

Phát triển nông nghiệp sinh thái. Thành phố Giang Môn đã tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp xanh làm phương hướng điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp và nâng cao tỷ lệ các sản phẩm nông nghiệp xanh trong nông nghiệp. Thông qua việc thúc đẩy tiêu chuẩn hóa sản xuất nông nghiệp, tăng cường phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, thực phẩm xanh, việc tăng cường đầu tư khoa học vào ngành nông nghiệp và đầu tư vốn cũng là việc làm cần thực hiện, đồng thời, còn nâng cao tỷ lệ hàng hóa và tỷ lệ chế biến sản phẩm nông nghiệp, nâng cao lực cạnh tranh cho ngành nông nghiệp.

Phát triển sinh thái công nghiệp. Thành phố Giang Môn đã chọn con đường tiết kiệm nguồn tài nguyên để phát triển mô hình công nghiệp

hóa. Dựa vào các nguyên tắc giảm mức tiêu thụ, tái sử dụng, tài nguyên hóa, tuân thủ sự phát triển và thực hiện tiết kiệm ở mức tối đa, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện tiết kiệm năng lượng sử dụng, tiết kiệm tài nguyên nước và áp dụng các kỹ thuật mới để bảo vệ môi trường, thực hiện sản xuất sạch, phát triển kinh tế tuần hoàn. Kiểm soát được tình hình ô nhiễm ngay từ đầu nguồn sản xuất công nghiệp cho đến toàn quá trình sản xuất, sử dụng các công nghệ cao, các công nghệ tiên tiến, phù hợp và “công nghệ xanh” để cải tạo dây chuyền công nghiệp truyền thống. Hướng dẫn các doanh nghiệp tập hợp các công nghệ mới, đưa vào sử dụng, mở rộng dây chuyền công nghiệp, thúc đẩy và bố trí dây chuyền sản xuất công nghiệp hợp lý, xây dựng hệ thống công nghiệp sinh thái trong đô thị.

II. Thiết lập khái niệm về năng lực cạnh tranh, xây dựng đô thị sinh thái xanh

Thành phố Giang Môn được xây dựng tại vị trí rất đặc biệt, là một thành phố sơn thủy hữu tình, có môi trường sống phù hợp với người dân, rất thích hợp cho việc nghỉ ngơi, thư giãn. Chính quyền thành phố luôn thúc đẩy công tác xây dựng và phát triển thành phố, đồng thời cũng chú trọng tới công tác xử lý về môi trường. Trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thành phố luôn đưa công tác bảo vệ sinh thái lên vị trí quan trọng hàng đầu, nỗ lực tạo ra môi trường sống phù hợp nhất với người dân, để xây dựng và phát triển đô thị sinh thái xanh. Việc thúc đẩy kinh tế và môi trường sinh thái hài hòa phát triển, sẽ giúp người dân được hưởng nhiều lợi ích.

Màu xanh chính là sức sống của đô thị và cũng là biểu tượng năng lực cạnh tranh của đô thị đó. Để có thể duy trì và luôn nâng cao sức sống và biểu tượng năng lực cạnh tranh của đô thị, thành phố Giang Môn đã phát huy việc tận dụng tối đa vào non nước mà thiên nhiên ban tặng, lợi thế của môi trường xanh, khai thác triệt để các yếu tố sinh thái đô thị, thực hiện một loạt

các công trình “non xanh, nước biếc, trời xanh, đất xanh”, các công trình “xanh, sạch, sáng, đẹp”, thực hiện xây dựng và xử lý sinh thái trong đô thị một cách toàn diện, làm nổi bật những nét đặc sắc của non nước trong đô thị, kết hợp xây dựng các điểm (tiểu khu), các tuyến (đường giao thông), bề mặt (công viên), phủ xanh ở khắp mọi nơi. Tận dụng vào cảnh quan non nước trong đô thị, thu hút khách du lịch các nơi về tham quan, từ đó sẽ thúc đẩy ngành bất động sản và ngành du lịch cùng phát triển. Ngoài ra, còn thúc đẩy mô hình tăng trưởng kinh tế truyền thống chuyển đổi thành nền kinh tế xanh, không ngừng nâng cao lực cạnh tranh của đô thị.

III. Thiết lập khái niệm lấy con người làm gốc, xây dựng đô thị sinh thái nhân văn

Sau khi cơ sở hạ tầng của một thành phố trở thành biểu tượng của sự phồn hoa và nhộn nhịp, bước tiếp theo cần làm là nâng cao phẩm chất văn hóa và quan niệm về giá trị đô thị, tạo ra môi trường sống tốt, bồi dưỡng tinh thần nhân văn... tiếp đến “quyền lực mềm của đô thị” sẽ từng bước trở thành sự lựa chọn tất yếu để phát triển đô thị bền vững và hài hòa với xã hội. Đây là tiềm năng để phát triển thành phố, tăng cường sức mạnh toàn diện và thu hút nguồn lực hợp tác, đầu tư từ nước ngoài.

Thành phố Giang Môn đã tạo ra một thành phố nhân văn đặc biệt, luôn tăng cường sự gắn kết, tăng cường sức mạnh quyền lực mềm của đô thị. Thông qua nền khoa học hiện đại, Chính quyền đã không ngừng điều chỉnh, nâng cao và hoàn thiện hệ thống quản lý. Chính việc làm này đã hỗ trợ rất nhiều trong việc xây dựng các thị trấn mới trong khu vực, từ đó thúc đẩy việc xây dựng vật chất, tinh thần, chính trị cùng tiến bộ. Đối với công việc về mặt chính trị, cần khám phá, đồng thời, thiết lập ý thức, phương pháp để quản lý đô thị hiện đại, từng bước xây dựng các quy định pháp luật, hệ thống thông tin quản lý đô thị và cơ chế vận hành, mục đích cuối cùng là để tạo ra đô thị sinh thái nhân văn.

Tích cực xây dựng đô thị sinh thái, hình thành một môi trường sống tốt cho người dân, sẽ giúp cho văn hóa và kinh tế cùng tiến bộ và phát triển, con người với thiên nhiên cùng hài hòa, cuối cùng là hình thành “ngành công nghiệp xanh”, từ đó cuộc sống của người dân sẽ được cải thiện, thành phố phát triển mạnh hơn, xây dựng thành phố Giang Môn thành một đô thị sinh thái, có điều kiện thuận lợi để phát

triển và là đô thị có môi trường sống tốt cho người dân.

Sở Nhà ở - Xây dựng Đô thị & Nông thôn thành phố Giang Môn

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc số 12/2013

ND: Bích Ngọc

Tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc: Thúc đẩy các hành động xây dựng xanh

Để đẩy mạnh phát triển xanh, tuần hoàn, Cacbon thấp trong xây dựng đô thị - nông thôn, Chính quyền tỉnh Hồ Bắc gần đây đã đưa ra “Phương án thực thi hành động xây dựng xanh tỉnh Hồ Bắc”. Phương án chỉ rõ, cần thông qua sự thúc đẩy của Chính quyền, sự dẫn dắt của chính sách để tăng cường quản lý mục tiêu và đánh giá công tác, đảm bảo đến cuối năm 2015 trên 20% các công trình xây dựng mới tại các thành phố và thị trấn trong toàn tỉnh đạt tiêu chuẩn công trình xanh, giai đoạn thiết kế tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng cho các công trình mới xây thực hiện với tỷ lệ đạt 100%, giai đoạn thi công đạt trên 98%; giảm tiêu thụ năng lượng trên mỗi đơn vị diện tích công trình công cộng 10% trong đó giảm 15% đối với công trình công cộng có quy mô vừa và lớn; các công trình nhà ở mới xây tại các thành phố và thị trấn cấp huyện trở lên đều bắt đầu thực thi tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng.

1. Đẩy mạnh xây dựng các thành phố và thị trấn sinh thái xanh

Tỉnh Hồ Bắc đề ra: Quy hoạch đô thị - nông thôn, các khu vực mới tại các thành phố và thị trấn trong toàn tỉnh (bao gồm khu khai thác, khu công nghiệp) cần căn cứ theo yêu cầu phát triển sinh thái xanh để tiến hành quy hoạch, xây dựng và quản lý; Tổ chức lập quy hoạch riêng cho sinh thái xanh, xây dựng hệ thống chỉ tiêu với các nội dung như tỷ lệ công trình xanh, bảo

vệ môi trường sinh thái, giao thông công cộng, tận dụng năng lượng tái sinh, tận dụng thâm canh đất đai, tận dụng tài nguyên nước, thu gom và tận dụng phế thải ...; Tổ chức triển khai thí điểm khu thành phố sinh thái xanh, đẩy mạnh xây dựng thành phố và thị trấn sinh thái xanh. Trên cơ sở mẫu thí điểm tại các nơi, lựa chọn ra một loạt mẫu thí điểm cấp tỉnh.

2. Đẩy mạnh thực thi tiêu chuẩn công trình xanh

Tỉnh Hồ Bắc yêu cầu: Tích cực đẩy mạnh các hạng mục do Chính phủ đầu tư và các công trình công cộng quy mô lớn bắt buộc thi hành các tiêu chuẩn công trình xanh. Từ năm 2014, các công trình văn phòng làm việc của cơ quan Nhà nước, công trình công ích do Chính phủ đầu tư, công trình công cộng quy mô lớn thuộc các khu vực thành phố trung tâm của Vũ Hán, Tương Dương, Nghi Xương và công trình nhà ở xã hội thuộc khu vực trung tâm thành phố Vũ Hán sẽ dẫn đầu thi hành tiêu chuẩn công trình xanh. Từ năm 2015, các công trình văn phòng làm việc của cơ quan Nhà nước, công trình công cộng quy mô lớn, công trình nhà ở xã hội thuộc khu vực thành phố trung tâm của Tương Dương, Nghi Xương và toàn thành phố Vũ Hán sẽ bắt đầu thực thi tiêu chuẩn công trình xanh. Tích cực chỉ đạo các hạng mục bất động sản thi hành tiêu chuẩn công trình xanh. Từ năm 2014, các địa phương trong tỉnh cần xác định rõ về

yêu cầu chỉ tiêu công trình xanh đối với hạng mục bất động sản trên 100 nghìn m², đẩy mạnh thực thi tiêu chuẩn công trình xanh, tổ chức triển khai thí điểm tập trung công trình xanh. Tích cực chỉ đạo xây dựng nhà ở xanh nông thôn, xây dựng các tập bản vẽ mở rộng cải tạo xây dựng nhà ở xanh nông thôn và hướng dẫn kỹ thuật cho công trình xanh tại các thị trấn nông thôn, mở rộng các kỹ thuật tiết kiệm năng lượng cho nhà ở nông thôn như tận dụng nước nóng năng lượng mặt trời, bảo ôn cách nhiệt cho kết cấu xung quanh, tiết kiệm củi than...

3. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng trong các công trình mới xây

Tỉnh Hồ Bắc nhấn mạnh: Nghiêm chỉnh thực thi tiêu chuẩn bắt buộc về tiết kiệm năng lượng xây dựng, tăng cường thẩm tra phương án quy hoạch, thẩm tra bản vẽ thi công, quản lý giám sát chất lượng công trình và quản lý biên bản nghiệm thu đối với các công trình mới xây. Đối với các công trình không phù hợp với tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng xây dựng, thẩm tra quy hoạch sẽ không được thông qua, thẩm tra thiết kế sẽ không được phê chuẩn, thi công không được tiến hành, công trình không được nghiệm thu, đồng thời bắt buộc tiến hành sửa đổi. Từng bước nâng cao mức hiệu suất tiết kiệm năng lượng xây dựng, biên soạn và công bố tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng địa phương cho công trình nhà ở hao phí năng lượng thấp tỉnh Hồ Bắc. Năm 2015, các công trình nhà ở mới xây thuộc khu vực thành phố huyện trở lên sẽ bắt đầu thực thi tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng cho công trình nhà ở hao phí năng lượng thấp.

4. Đẩy mạnh cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng

Tỉnh Hồ Bắc xác định rõ: Lấy trọng điểm là nâng cao trình độ quản lý và hiệu suất sử dụng năng lượng, triển khai cải tạo tiết kiệm năng lượng cho các công trình công cộng quy mô lớn và công trình văn phòng cho các cơ cấu công cộng. Khuyến khích sử dụng mô hình quản lý nguồn năng lượng để tiến hành cải tạo tiết kiệm năng

lượng xây dựng, đưa ra hình thức khen thưởng thông qua lượng năng lượng tiết kiệm được của các hạng mục. Thành phố Vũ Hán đã được liệt vào danh sách thành phố trọng điểm về cải tạo tiết kiệm năng lượng trong các công trình công cộng của quốc gia, dẫn đầu toàn tỉnh Hồ Bắc trong việc tổ chức thực thi công trình thí điểm cải tạo tiết kiệm năng lượng trong công trình công cộng. Tỉnh cũng triển khai thí điểm cải tạo tiết kiệm năng lượng trong các công trình nhà ở với trọng điểm là thay các cửa tiết kiệm năng lượng, cải thiện thông gió tự nhiên ...

5. Đẩy mạnh ứng dụng quy mô hóa công trình năng lượng tái sinh

Tích cực đẩy mạnh ứng dụng năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt tầng nông trong xây dựng, tối ưu hóa kết cấu sử dụng năng lượng trong công trình. Tỉnh Hồ Bắc yêu cầu, những công trình nhà ở có điều kiện ứng dụng cần quy hoạch thiết kế đồng bộ đồng thời lắp đặt hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời, đồng bộ nghiệm thu, đồng bộ đưa vào sử dụng cùng với chủ thể công trình. Công trình công cộng xây mới hay xây dựng cải tạo do Chính phủ đầu tư cần lựa chọn ứng dụng một nguồn năng lượng tái sinh trở lên. Các địa phương cần đưa ra những quy định bắt buộc trong mở rộng ứng dụng năng lượng mặt trời trong công trình trước khi kết thúc năm 2014, phổ cập tận dụng nguồn nước nóng từ năng lượng mặt trời.

6. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng xây dựng công cộng

Tăng cường công tác thống kê hao phí năng lượng, kiểm toán năng lượng, công khai năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng trong các công trình công cộng quy mô lớn và công trình văn phòng của các cơ cấu công cộng. Xác định công trình trọng điểm sử dụng năng lượng, công trình hao phí năng lượng cao, công trình kiểu mẫu. Tăng cường xây dựng hệ thống quản lý giám sát tiết kiệm năng lượng trong xây dựng công cộng, xây dựng kênh giám sát, đánh giá hao phí năng lượng công trình công cộng tỉnh

Hồ Bắc. Hoàn thành lắp đặt tính toán năng lượng hao phí cho 200 công trình công cộng và công trình văn phòng của các cơ cấu công cộng, đồng thời thực thi kiểm tra đánh giá hao phí năng lượng trong thời gian thực. Nghiêm chỉnh thực thi tiêu chuẩn kiểm soát nhiệt độ điều hòa công trình công cộng, tổ chức triển khai các hoạt động thực thi hiệu quả tiết kiệm năng lượng trong các trường học, bệnh viện, nhà hàng...

7. Đẩy mạnh mở rộng nghiên cứu và phát triển kỹ thuật xây dựng xanh

Tỉnh Hồ Bắc khuyến khích các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học và các doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, phát triển kỹ thuật công trình xanh theo nhu cầu của thị trường, tăng cường các kỹ thuật tiên tiến, nhập khẩu, tiếp thu và tiếp tục đổi mới công nghệ. Bám sát những kỹ thuật thiết kế công trình xanh, kỹ thuật tận dụng năng lượng công trình xanh, kỹ thuật cải tạo xanh các bon thấp để nghiên cứu tập hợp và ứng dụng những kỹ thuật quan trọng cho công trình xanh. Thiết lập trung tâm kỹ thuật công trình xây dựng xanh cấp tỉnh, triển khai mẫu thí điểm ứng dụng kỹ thuật công trình xanh. Mở rộng các kỹ thuật lấy ánh sáng tự nhiên, thông gió tự nhiên, điều hòa hiệu quả

cao, bơm nhiệt, thu gom nước mưa, tái sử dụng nước, tận dụng nguồn nhiệt thải, cách âm giảm ồn..., phổ cập các sản phẩm chiếu sáng, các thiết bị văn phòng, thiết bị điện gia dụng tiết kiệm năng lượng cao.

Chính quyền tỉnh Hồ Bắc cho biết, tổ lãnh đạo về cải cách vật liệu tường và tiết kiệm năng lượng xây dựng của tỉnh sẽ triển khai các mục tiêu hành động xây dựng xanh tới các thành phố và các cơ quan liên quan của tỉnh đồng thời đưa vào hệ thống đánh giá trách nhiệm mục tiêu tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải của chính quyền tỉnh đối với chính quyền các thành phố và các cơ quan liên quan của tỉnh, thực thi đánh giá mục tiêu theo năm, tiến hành họp bàn và thông báo phê bình đối với các khu vực và cơ quan tiến hành công tác thiếu hiệu quả. Chính quyền các thành phố và các huyện cần đưa mục tiêu và nhiệm vụ công tác tới các cơ quan chức năng có liên quan, đề ra các biện pháp đánh giá, đảm bảo cho các hành động xây dựng xanh được đẩy mạnh thực sự.

Hồ Quý Ngọc

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến Trúc

Trung Quốc, số 1/2014

ND: Kim Nhạn

CHỦ TỊCH VIỆN CUBA HỮU NGHỊ VỚI CÁC DÂN TỘC (ICAP) THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2014



Thư trưởng Nguyễn Trần Nam chào mừng Bà Chủ tịch ICAP Kenia Serano Puig đến thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng



Thư trưởng Nguyễn Trần Nam và Chủ tịch Kenia Serano Puig hội đàm